

**Bài thu hoạch lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên
tiểu học hạng 3**

1. Bài thu hoạch tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng 3 số 1

I. MỞ ĐẦU

Nhằm giúp nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp của viên chức ngành giáo dục, trong thời gian qua Bộ Giáo Dục và Đào Tạo đã chuyển quản lý viên chức từ mã ngạch sang hạng chức danh nghề nghiệp. Ngoài những yêu cầu về trình độ chuyên môn và các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp cần có của viên chức khi được xếp hạng hoạch thăng hạng phải được bồi dưỡng và cấp chứng chỉ chuẩn chức danh nghề nghiệp mình đang giữ hoặc muốn thăng hạng. Vì thế Bộ giáo dục đã tổ chức mở các lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp nhằm tạo điều kiện để giáo viên theo học nâng cao trình độ và đảm bảo về các loại chứng chỉ cần có khi giữ hạng viên chức. Trong khóa học bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III, tôi đã được các thầy giáo cô giáo trường Đại học sư phạm Thái Nguyên truyền đạt tất cả 10 chuyên đề sau:

Chuyên đề 1: Lí luận về nhà nước và hành chính nhà nước

Chuyên đề 2: Chiến lược và chính sách phát triển giáo dục đào tạo

Chuyên đề 3: Quản lý giáo dục và chính sách phát triển giáo dục trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chuyên đề 4: Giáo viên với công tác tư vấn học sinh trong trường tiểu học

Chuyên đề 5: Tổ chức hoạt động dạy học, xây dựng và phát triển kế hoạch giáo dục ở trường tiểu học

Chuyên đề 6: Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III

Chuyên đề 7: Dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh ở trường tiểu học

Chuyên đề 8: Thanh tra kiểm tra và một số hoạt động đảm bảo chất lượng trường tiểu học

Chuyên đề 9: Sinh hoạt tổ chuyên môn và công tác bồi dưỡng giáo viên trong trường tiểu học

Chuyên đề 10: Xây dựng mối quan hệ trong và ngoài nhà trường để nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển trường tiểu học

Đây là những chuyên đề hết sức bổ ích và cần thiết để cho người quản lý và giáo viên giảng dạy trong việc thực thi nhiệm vụ tại đơn vị đang công tác. Với 10 chuyên đề đã giúp cho học viên nhận thức được nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn mới trong công tác dạy và học

II. NỘI DUNG

1. Nội dung đầu tiên được nghiên cứu thuộc chuyên đề 1 “Lý luận về nhà nước và hành chính nhà nước”, qua chuyên đề 1 bản thân nhận thức được các vấn đề cơ bản sau:

1.1. Khái niệm về quản lý nhà nước và hành chính nhà nước:

Quản lý nhà nước là hoạt động thực thi quyền lực nhà nước do các cơ quan quản lý nhà nước tiến hành đối với tất cả mọi cá nhân và tổ chức trong xã hội, trên tất cả các mặt của đời sống xã hội bằng cách sử dụng quyền lực nhà nước có tính cưỡng chế đơn phương nhằm mục tiêu phục vụ lợi ích chung của cả cộng đồng, duy trì ổn định, an ninh trật tự và thúc đẩy xã hội phát triển theo một định hướng thống nhất của nhà nước. Hành chính nhà nước là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của công dân, do các cơ quan trong hệ thống hành pháp từ trung ương đến cơ sở tiến hành để thực hiện những chức năng và nhiệm vụ của nhà nước, phát triển các mối quan hệ xã hội, duy trì trật tự, an ninh, thoả mãn các nhu cầu hợp pháp của các công dân.

1.2. Các nguyên tắc hành chính nhà nước:

Nguyên tắc hành chính nhà nước là các quy tắc, những tư tưởng chỉ đạo, những tiêu chuẩn hành vi đòi hỏi các chủ thể hành chính nhà nước phải tuân thủ trong quá trình tổ chức và hoạt động hành chính nhà nước. Ở Việt Nam hiện nay, hoạt động hành chính nhà nước tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau:

Nguyên tắc thứ nhất nguyên tắc Đảng cầm quyền lãnh đạo hành chính nhà nước: Hoạt động hành chính nhà nước luôn nằm dưới sự lãnh đạo của đảng cầm quyền. Đảng cầm quyền lãnh đạo hành chính nhà nước là để hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước đi đúng đường lối, chủ trương của đảng, phục vụ cho mục tiêu hiện thực hóa đường lối chính trị của đảng cầm quyền trong xã hội. Do đó, sự lãnh đạo của đảng cầm quyền đối với hoạt động hành chính nhà nước là tất yếu.

Nguyên tắc thứ hai là nguyên tắc pháp trị: nguyên tắc pháp trị trong hành chính nhà nước là xác lập vai trò tối cao của pháp luật, là việc tiến hành các hoạt động hành chính nhà nước bằng pháp luật và theo pháp luật, lấy pháp luật làm căn cứ để tiến hành hoạt động công vụ.

Nguyên tắc thứ ba nguyên tắc phục vụ: bộ máy hành chính nhà nước là một bộ phận cấu thành không tách rời của bộ máy nhà nước nói chung nên hoạt động mang đặc tính chung của bộ máy nhà nước với tư cách là công cụ chuyên chính của giai cấp cầm quyền. Do đó, khi tiến hành các hoạt động, đặc biệt là các hoạt động duy trì trật tự xã hội theo các quy định của pháp luật, các quyết định quản lý hành chính nhà nước tiềm ẩn khả năng cưỡng chế đơn phương của quyền lực nhà nước và có thể sử dụng các công cụ cưỡng chế của nhà nước (như công an, nhà tù, tòa án,...) để thực hiện quyết định

Nguyên tắc thứ tư là nguyên tắc hiệu quả: hiệu lực của hoạt động hành chính nhà nước thể hiện ở mức độ hoàn thành các nhiệm vụ của bộ máy hành chính nhà nước trong quá trình quản lý xã hội, còn hiệu quả của hoạt động hành chính nhà nước phản ánh mối tương quan giữa kết quả của hoạt động so với chi phí bỏ ra để đạt kết quả đó.

1.3. Ở nước ta chức năng hành chính nhà nước được phân loại như sau:

- Chức năng bên trong (chức năng nội bộ): Là những chức năng liên quan tới việc tổ chức và điều hành hoạt động của nội bộ bộ máy hành chính nhà nước hay bên trong

một cơ quan hành chính nhà nước. Mục tiêu của việc nghiên cứu chức năng bên trong gồm: bảo đảm cho tổ chức có một cơ cấu hiệu quả nhất và thực hiện theo pháp luật. Các chức năng nội bộ chủ yếu bao gồm: Chức năng lập kế hoạch; Chức năng tổ chức bộ máy hành chính; Chức năng nhân sự; Chức năng lãnh đạo, điều hành; Chức năng phối hợp; Chức năng quản lý ngân sách; Chức năng kiểm soát.

- Chức năng bên ngoài: Chức năng hành chính nhà nước bên ngoài là chức năng tác động của bộ máy hành chính lên các đối tượng bên ngoài bộ máy hành chính để duy trì trật tự trong xã hội hay đảm bảo các dịch vụ công phục vụ sự phát triển của xã hội. Nhóm chức năng này bao gồm chức năng điều tiết xã hội và chức năng cung cấp dịch vụ công.

Ngoài ra nhà nước còn quản lý theo ngành và lãnh thổ.

1.4. Liên hệ thực tiễn: Từ thực tiễn công tác và nội dung đã học, bản thân tôi nhận thấy việc quản lý cơ quan đơn vị phải thực hiện theo các nguyên tắc cụ thể để đảm bảo sự thống nhất trong các hoạt động và tạo sự hiệu quả cao trong công việc, cụ thể:

Một là nâng cao vai trò của Đảng trong đơn vị công tác qua một số nội dung: Lãnh đạo xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ, công tác chuyên môn của đơn vị theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hoàn thành nghĩa vụ của đơn vị đối với Nhà nước, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, đảng viên và quần chúng. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng giám sát mọi hoạt động của đơn vị theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đề cao tinh thần trách nhiệm, phát huy tính chủ động sáng tạo, không ngừng cải tiến lề lối, phương pháp làm việc, nâng cao hiệu quả công tác, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở ở đơn vị, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên và quần chúng, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, trù dập, ức hiếp quần chúng và các hiện tượng tiêu cực khác, nhất là những tiêu cực trong tuyển sinh, cấp văn bằng, chứng chỉ.... Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong đơn vị. Đoàn kết nội bộ, giữ gìn bí mật quốc gia, bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ tài sản của đơn vị.

Hai là nguyên tắc tập trung dân chủ thể hiện: Các kế hoạch, định hướng phát triển cơ quan do hiệu trưởng xây dựng trên cơ sở thông qua lấy ý kiến thống nhất của cán bộ giáo viên nhân viên trong đơn vị, hiệu trưởng là người đưa ra những quyết sách thực hiện các công việc trong đơn vị. Trong các hoạt động của nhà trường luôn công khai minh bạch, giáo viên và các tổ chức trong nhà trường có quyền giám sát kiểm tra thông qua hoạt động của ban thanh tra nhân dân trong đơn vị, Giáo viên nhân viên có quyền đưa ra ý kiến đóng góp các công việc chung trong khuôn khổ đúng vai trò trách nhiệm của mình.

Ba là xây dựng quy chế hoạt động của đơn vị đảm bảo: trong mỗi năm học nhà trường phải tổ chức nghiêm túc hội nghị công chức viên chức đầu năm, thông qua hội nghị để thông qua quy chế chi tiêu nội bộ. Tập thể giáo viên nhân viên đóng góp, biểu quyết thông qua quy chế làm việc của cơ quan trong năm học. Hiệu trưởng căn cứ kết quả của hội nghị ban hành quy chế hoạt động của đơn vị và thực hiện đảm bảo chế độ khen thưởng cá nhân xuất sắc đồng thời kỉ luật nghiêm cá nhân vi phạm quy chế đã xây dựng, xây dựng vững chắc kỉ cương của đơn vị.

Bốn là nguyên tắc hiệu quả trong công việc: nhà trường cần xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất đạo đức, năng lực công tác, tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao; đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, bổ nhiệm, đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm đủ năng lực, phẩm chất và uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Đồng thời đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu; xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ, công chức, viên chức trong triển khai thực hiện nhiệm vụ. Thực hiện tốt công tác tư tưởng, chính trị nội bộ trong đơn vị. Bên cạnh đó trong công tác đánh giá phân loại giáo viên chú trọng đến hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao có chính sách khen thưởng động viên kịp thời.

2. Qua học tập và bồi dưỡng chuyên đề 2 về “Chiến lược và chính sách phát triển giáo dục và đào tạo” bản thân tôi tiếp thu được những nội dung cơ bản của chuyên đề như sau:

2.1. Xu thế phát triển của giáo dục phổ thông trong khu vực và thế giới:

Trước sự thay đổi nhanh chóng của thế giới, đặc biệt là tác động toàn cầu hoá và của công nghệ thông tin truyền thông các nước đã có những chính sách và chiến lược đổi mới giáo dục phổ thông để làm cho giáo dục phổ thông đáp ứng tốt hơn với hoàn cảnh mới. Những năm gần đây xu hướng phát triển giáo dục phổ thông của các nước có những vấn đề chung nổi lên sau đây: giáo dục phổ thông ở các nước đang trở thành bắt buộc cho tất cả mọi người với yêu cầu chất lượng cao. Tăng cường sự đầu tư của nhà nước cho giáo dục. Tự nhân hoá giáo dục phổ thông. Xu hướng du học tăng. Xu hướng phân luồng - dạy nghề trong nhà trường kết hợp với các cơ sở sản xuất. Xu hướng phân ban, phân hoá, dạy học tự chọn. Đẩy mạnh việc dạy và học ICT.

2.2. Các thách thức đối với giáo dục phổ thông trên thế giới:

Các chương trình giáo dục phổ thông đã không giúp chuẩn bị học sinh cho những ngành nghề thực tiễn (ít hơn 25% chương trình của các nước có chứa các nội dung giáo dục kỹ thuật và nghề nghiệp). Sự thiếu hụt giáo viên và xu hướng đào tạo GV theo các mô hình mới ngày càng phổ biến: tuyển dụng những người giảng dạy từ các lĩnh vực khác ngoài giáo dục. Trách nhiệm xã hội đối với chất lượng giáo dục: Nâng cao chất lượng và khả năng đi học của học sinh, sự đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và càng đa dạng của xã hội; Đáp ứng yêu cầu về hiệu quả giáo dục phổ thông đối với thế hệ trẻ. Các thách thức về chất lượng gồm: Học cách tư duy; Học cách học; Học cách chung sống; Năng lực kết hợp giữa các hình thức học chính thức và không chính thức – biết và ứng dụng; Năng lực tìm kiếm, lựa chọn và đánh giá kiến thức trong thế giới thông tin hiện nay; Năng lực phát triển và áp dụng các hình thức trí tuệ cao hơn trí tuệ nhận thức; Năng lực sáng tạo, chuyển giao kiến thức; Năng lực đối mặt với các tình huống không lường trước và các hoàn cảnh không lường trước; Năng lực ứng phó sự đa dạng của các loại nghề nghiệp; Năng lực làm việc có hiệu quả trong nhóm; Năng lực trở thành công dân tích cực và biết cống hiến cho xã hội. Khoảng cách giữa giáo dục phổ thông và dạy nghề ngày càng lớn. Nội dung giáo dục chú ý nhiều vào các vấn đề sự phạm và việc phân hóa chậm. Vấn đề bạo lực học đường trở nên trầm trọng.

2.3. Giải pháp phát triển giáo dục phổ thông:

Những giải pháp chính để mở rộng qui mô giáo dục phổ thông ở Trung Quốc. Đảm bảo rằng tất cả các học sinh đều phổ cập trung học cơ sở (tốt nghiệp lớp 9)

Nâng cao năng lực giáo dục nghề nghiệp: Phát triển các trường nghề trong toàn quốc; Đào tạo kỹ năng; Xây dựng các trường nghề và các trường hướng nghiệp mẫu; Cung cấp các tài trợ cho học sinh học nghề; Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đảm bảo rằng tất cả học sinh đều được học tập và hưởng thụ một nền giáo dục có chất lượng cao; Đảm bảo rằng học sinh được giáo dục và phát triển toàn diện; Xây dựng chương trình dựa trên năng lực cho 700 môn học của 83 khóa dạy nghề ở các trường trung học phổ thông. Nội dung các chương trình cần gắn chặt với thực tiễn cuộc sống. Tăng cường thực hành và kinh nghiệm thực tế. Học tập theo phương pháp dự án. Dạy học dựa vào địa phương và nhà trường. Tạo nhiều cơ hội cho học sinh chọn môn học ưa thích. Phát triển năng lực sáng tạo của học sinh. Dạy học cá nhân hóa. Chú trọng đánh giá quá trình. Đa dạng hóa chương trình và tư liệu dạy học. Đào tạo kỹ năng dạy thực hành cho giáo viên. Khuyến khích giáo viên làm việc ở các vùng nông thôn. Đánh giá lợi ích trả lại của giáo dục phổ thông đối với sự phát triển kinh tế và xã hội. Các nước OECD: Nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và các điều kiện kinh tế. Sử dụng đa dạng các hình thức cung cấp dịch vụ giáo dục: giáo dục công, giáo dục tư, giáo dục chính qui và không chính qui, giáo dục tổng hợp và đặc biệt; phát triển năng lực sáng tạo của người học. Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề. Đảm bảo hiệu quả giáo dục và sử dụng kinh phí. Có các chính sách ngăn chặn bạo lực học đường. Xây dựng chuẩn giáo dục, chuẩn tuyển sinh, chuẩn chương trình. Huy động đa dạng các nguồn vốn và nguồn lực. Tuy nhiên chính phủ vẫn phải đóng vai trò chính. Phát triển các năng lực của công dân thế kỷ 21. Chú trọng vấn đề giới và công bằng giáo dục.

2.4. Thực trạng giáo dục của nước ta trong giai đoạn hiện nay:

- Chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.
- Quản lý giáo dục và đào tạo còn nhiều yếu kém.
- Đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa hiệu quả.

2.5. Quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục và đào tạo và phát triển giáo dục phổ thông trước yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện

- Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục - đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học. Trong quá trình đổi mới, cần kế thừa, phát huy những thành tựu, phát triển những nhân tố mới, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới; kiên quyết chấn chỉnh những nhận thức, việc làm lệch lạc. Đổi mới phải bảo đảm tính hệ thống, tầm nhìn dài hạn, phù hợp với từng loại đối tượng và cấp học; các giải pháp phải đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình, bước đi phù hợp.

- Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

- Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ khoa học và công nghệ; phù hợp quy luật khách quan.

- Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Chuẩn hoá, hiện đại hoá giáo dục và đào tạo.

- Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục và đào tạo.

- Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời giáo dục và đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển đất nước.

2.6. Các giải pháp phát triển giáo dục:

Đề giáo dục Việt Nam phát triển có những giải pháp sau: Đổi mới quản lý giáo dục; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, thi, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục; tăng nguồn lực đầu tư và đổi mới cơ chế tài chính giáo dục; tăng cường gắn đào tạo với sử dụng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội; tăng cường hỗ trợ phát triển giáo dục đối với các vùng khó khăn, dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách xã hội; phát triển khoa học giáo dục và mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về giáo dục.

2.7. Chính sách phát triển giáo dục phổ thông

- Chính sách phát triển đội ngũ giáo viên: Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế.
- Chính sách đảm bảo chất lượng là một cơ chế quản lý chất lượng tiến bộ hơn kiểm soát chất lượng đang được nhiều nước sử dụng để quản lý chất lượng giáo dục.
- Chính sách đầu tư: Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo.
- Chính sách tạo cơ hội bình đẳng và chính sách phát triển giáo dục các vùng miền: Xây dựng và thực hiện các chính sách nhằm đảm bảo bình đẳng về cơ hội học tập, hỗ trợ và ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo.

2.8. Liên hệ thực tiễn:

Trong những năm qua thực hiện chủ trương đổi mới giáo dục trước tác động của toàn cầu hóa, đơn vị trường tiểu học Lê Quý Đôn cũng đã thực hiện tốt một số công tác sau:

Thứ nhất trong công tác lãnh chỉ đạo của nhà trường luôn được đón nhận sự tạo điều kiện của chính quyền địa phương, phòng giáo dục đào tạo luôn quan tâm sát sao và chỉ đạo kịp thời công tác giáo dục tại địa phương, tập trung nguồn lực để xây dựng hạ tầng phục vụ cho việc dạy và học.

Thứ hai trong công tác giảng dạy thực hiện việc đổi mới giảng dạy thông qua việc sử dụng các kỹ thuật dạy học mới, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, trong công tác đánh giá học sinh chú trọng đến năng lực người học thông qua việc xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập có tính phân loại nhận thức người học.

Thứ ba việc thực hiện các chế độ chính sách đối với học sinh luôn đảm bảo khuyến khích, tạo điều kiện cho tất cả các em được đến trường như: Chế độ hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP.....

Thứ tư công tác bồi dưỡng cho cán bộ giáo viên nhân viên trong đơn vị luôn được chú trọng, ngoài công tác bồi dưỡng thường xuyên, nhà trường tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp nâng cao trình độ chuyên môn tính đến nay đã có 43/45 cán bộ giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ.

Trong những năm qua đơn vị đã đạt được một số kết quả tích cực như tỉ lệ duy trì sĩ số học sinh tăng đạt 98,6%, tỉ lệ học sinh hoàn thành tốt các môn học và hoạt động giáo dục hàng năm tăng. Tuy nhiên để bản thân và đơn vị phát triển hơn nữa trong thời gian tới thì cần làm tốt những công việc sau:

Một là tập trung các giải pháp tích cực duy trì sĩ số học sinh trong nhà trường, ngăn ngừa và hạn chế bỏ học, tăng cường bồi dưỡng học năng khiếu, nâng chất lượng học tập của học sinh yếu kém; tăng cường công tác vận động học sinh, giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục ngày càng bền vững.

Hai là bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có đủ năng lực và tâm huyết thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của nhà trường trong giai đoạn mới.

Ba là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học và công tác quản lý phù hợp thiết thực theo hướng ngày càng tiếp cận công nghệ mới để nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả công tác. Tiếp tục đổi mới công tác kiểm tra đánh giá học sinh.

Bốn là bồi mới công tác quản lý, kiểm tra và tự đánh giá đúng chuẩn đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục, chuẩn nghề nghiệp, xây dựng văn hoá Nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục thân thiện.

Năm là tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp các công trình, duy tu sửa chữa hạn mục xuống cấp, tăng cường trang thiết bị dạy học, thực hành bộ môn và phương tiện công nghệ thông tin, nâng mặt bằng để học sinh có sân chơi bãi tập.

Sáu là đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, thu hút nguồn lực tinh thần, vật chất từ các đơn vị, cá nhân, doanh nghiệp, các tổ chức, đoàn thể ...

3. Về nội dung “Quản lý giáo dục và chính sách phát triển giáo dục trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” được nghiên cứu trong chuyên đề 3 tôi nhận thấy:

3.1. Khái niệm Quản lý nhà nước về Giáo dục – Đào tạo

Quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo: Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước đối với các hoạt động giáo dục và đào tạo, do các cơ quan quản lý giáo dục của nhà nước từ trung ương đến cơ sở tiến hành để thực hiện chức năng, nhiệm vụ do nhà nước ủy quyền nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, duy trì trật tự, kỉ cương, thoả mãn nhu cầu giáo dục và đào tạo của nhân dân, thực hiện mục tiêu giáo dục và đào tạo của nhà nước.

3.2. Tính chất quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo gồm:

- Tính chất của quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo: Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo là quản lý nhà nước về một lĩnh vực cụ thể, cho nên nó có những tính chất chung của quản lý nhà nước và quản lý hành chính nhà nước, cụ thể như sau:
- Tính lệ thuộc vào chính trị: quản lý nhà nước về giáo dục phục tùng và phục vụ nhiệm vụ chính trị; tuân thủ chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước.
- Tính xã hội: giáo dục là sự nghiệp của nhà nước và của toàn xã hội. Trong quản lý nhà nước về giáo dục cần phải coi trọng tính xã hội và dân chủ hoá giáo dục. Giáo dục và đào tạo luôn phát triển trong mối quan hệ với sự phát triển của kinh tế xã hội.

- Tính pháp quyền: quản lí nhà nước là quản lí bằng pháp luật. Quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo cũng phải tuân thủ hành lang pháp lí mà nhà nước đã quy định cho một hoạt động quản lí các hoạt động giáo dục và đào tạo, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

- Tính chuyên môn nghiệp vụ: cán bộ công chức hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo cần được đào tạo có trình độ tương ứng với yêu cầu về tiêu chuẩn các ngạch, chức danh đã được quy định. Việc tuyển dụng cán bộ, công chức tuân theo các tiêu chuẩn nghiệp vụ, chức danh mà nhà nước đã ban hành.

Tính hiệu lực, hiệu quả: lấy hiệu quả của hoạt động chuyên môn nghiệp vụ để đánh giá cán bộ, công chức ngành giáo dục và đào tạo; chất lượng, hiệu quả và sự bảo đảm trật tự kỷ cương trong giáo dục và đào tạo là thước đo trình độ, năng lực, uy tín của các cơ sở giáo dục và đào tạo và của các cơ quan quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo.

3.3. Chính sách phát triển giáo dục:

- Nhà nước thực hiện chính sách phổ cập giáo dục tạo điều kiện cho mọi người dân học tập. Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập khi tham gia các chương trình phổ cập giáo dục giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở, xóa mù chữ theo quy định.

- Chính sách tạo bình đẳng về cơ hội cho các đối tượng hưởng thụ giáo dục và các vùng miền; nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ vùng khó khăn và chính sách dân tộc là hệ thống chính sách tổng hợp về kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh....

- Chính sách chất lượng: Nhà nước đã có các chủ trương chính sách và biện pháp quan trọng về nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục, đổi mới chương trình, sách giáo khoa, đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường năng lực quản lí, giảng dạy, tăng cường cơ sở vật chất...

- Chính sách xã hội hóa và huy động các lực lượng xã hội tham gia vào quá trình giáo dục: Xã hội hóa giáo dục có thể được hiểu, một mặt là việc huy động các nguồn

lực khác nhau của xã hội và cả sự tham gia công sức, trí tuệ của cộng đồng để phát triển sự nghiệp giáo dục; mặt khác, phải có chính sách để công bằng xã hội tốt hơn cùng với việc nâng cao khả năng “tiếp cận dịch vụ giáo dục” của toàn xã hội. Xã hội hóa giáo dục bao gồm các nội dung: giáo dục hóa xã hội; cộng đồng trách nhiệm; đa dạng hóa loại hình; đa dạng hóa nguồn lực; thể chế hóa chủ trương.

- Chính sách đầu tư cho phát triển giáo dục: Ngân sách nhà nước chi cho giáo dục dành ưu tiên hàng đầu cho việc bố trí ngân sách giáo dục, bảo đảm tỷ lệ tăng chi ngân sách giáo dục hằng năm cao hơn tỷ lệ tăng chi ngân sách nhà nước. Ngân sách nhà nước chi cho giáo dục phải được phân bổ theo nguyên tắc công khai, tập trung dân chủ; căn cứ vào quy mô giáo dục, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng; thể hiện được chính sách ưu tiên của Nhà nước đối với giáo dục phổ cập, phát triển giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3.4. Liên hệ thực tiễn: Qua nội dung chuyên đề, bản thân tôi tự rút ra một số bài học như sau:

Trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động cá nhân, kế hoạch hoạt động của cơ quan phải khoa học, chính xác nội dung và theo nguyên tắc đảm bảo tinh thần nội dung cấp trên xây dựng, không làm trái tinh thần cấp trên chỉ đạo.

Trước thách thức và cơ hội của cơ chế thị trường mang lại bản thân và đơn vị cần có sự đổi mới về tư duy và chiến lược phát triển của cơ quan làm sao cho phù hợp với xu thế của thời đại, cụ thể: cần lồng ghép các tinh thần đổi mới về giáo dục vào nội dung các cuộc họp định kì của cơ quan, trong sinh hoạt của các tổ chức trong đơn vị từng bước nâng cao nhận thức của cán bộ giáo viên trong công tác đổi mới giáo dục và coi việc đổi mới là mục tiêu cũng như nhiệm vụ cấp bách phải làm trong thời gian tới. Về nội dung đổi mới cần cho giáo viên nhận thức được đó là đổi mới về chương trình học, phương pháp giảng dạy và đổi mới về công tác kiểm tra đánh giá học sinh, đổi mới công tác đào tạo và sử dụng các nguồn lực, ngoài ra là sự thay đổi trong công tác quản lí giáo dục.

Trong công tác thực hiện chuyên môn và các nhiệm vụ khác, nhà trường cần tăng cường hơn nữa công tác tự chủ của mỗi giáo viên thông qua việc tự chủ trong chương

trình học trên cơ sở đúng đối tượng, đúng năng lực. Người giáo viên thực hiện cam kết chất lượng theo kí kết trên tinh thần tự nguyện đăng kí.

Chú trọng công tác phổ cập trên địa bàn thị trấn thông qua công tác điều tra phổ cập cập nhật đảm bảo số liệu người học theo các độ tuổi và xây dựng kế hoạch xin mở các lớp phổ cập nếu có để đảm bảo quyền được học tập của tất cả mọi người dân.

Để đáp ứng được nhu cầu về trình độ ngày càng cao của công cuộc đổi mới giáo dục và chuẩn hóa nghề nghiệp, nhà trường cần khuyến khích tạo điều kiện cho cán bộ giáo viên tham gia các lớp học nâng cao trình độ, các lớp bồi dưỡng để chuẩn hóa chức danh nghề nghiệp. Bên cạnh đó trong công tác thi đua khen thưởng phải minh bạch mang tinh thần khích lệ người lao động cống hiến và hoàn tốt nhiệm vụ được giao.

Tập trung nguồn lực sẵn có trên địa bàn như các tổ chức xã hội, chính quyền xã, các ban ngành đoàn thể cùng vào cuộc trong công tác tuyên truyền vận động học sinh tới trường; xây dựng kênh thông tin về đơn vị để các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm nắm được nhu cầu của đơn vị về những thiếu thốn về cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học của giáo viên và học sinh.

4. Chuyên đề 4 về “Giáo viên tiểu học với công tác tư vấn học sinh trong trường tiểu học” qua học tập và nghiên cứu tôi xin đưa ra một số nội dung sau:

4.1. Đặc điểm phát triển tâm lý của lứa tuổi học sinh Tiểu học:

- Hoạt động học tập: Đối với học sinh tiểu học, hoạt động học tập là hoạt động mới mẻ với nội dung phong phú và mục đích học tập rõ ràng. Các môn học được sắp xếp theo một chương trình có hệ thống giúp các em hình thành và phát triển trí tuệ một cách thuận lợi và nhanh chóng.

- Hoạt động vui chơi: Bên cạnh hoạt động học tập, vui chơi là một nhu cầu lớn của học sinh tiểu học. Tuy đã mất dần vai trò hàng đầu nhưng vui chơi vẫn tiếp tục giữ vị trí quan trọng trong đời sống của trẻ. Các em thích được chơi các trò chơi cùng nhau. Khác với tuổi mẫu giáo, hoạt động vui chơi của các em có tính tổ chức và nội dung phong phú hơn. Các em thích những trò chơi có qui tắc, có phân vai; thích những trò

chơi vận động, những trò chơi rèn luyện tính nhanh nhẹn của các động tác, có sự phối hợp vận động và sức mạnh.

- Các hoạt động khác: Ở thời kỳ học sinh tiểu học, trẻ còn có thêm một hoạt động mới mẻ: đó là hoạt động lao động. Các em được giác ngộ ý thức về lao động. Càng về cuối cấp, ý thức về lao động càng phát triển. Học sinh tiểu học rất tích cực tham gia lao động, đặc biệt là lao động tập thể ở nhà trường. Lao động của học sinh tiểu học có đặc điểm nổi bật là lao động chỉ mang tính chất giáo dục. Mỗi một hình thức lao động đều có ý nghĩa giáo dục toàn diện cho học sinh tiểu học; Ngoài việc lao động, một số em còn tích cực tham gia hoạt động xã hội.

4.2. Khái niệm tư vấn và tư vấn học đường cho học sinh Tiểu học:

- Tư vấn là đưa ra lời khuyên hoặc đóng góp ý kiến về những vấn đề được hỏi đến nhưng không có quyền quyết định
- Tư vấn học đường cho học sinh Tiểu học được hiểu là một tiến trình trợ giúp học sinh Tiểu học tự tìm hiểu mình, biết được tiềm năng của bản thân, nâng cao năng lực tự giải quyết những khó khăn trong cuộc sống.

4.3. Nội dung, hình thức, phương pháp tư vấn học đường cho học sinh tiểu học:

- Nội dung tư vấn học đường cho học sinh Tiểu học thường tập trung nhiều hơn đến các nội dung như phương pháp học tập, vấn đề tình bạn, kỹ năng sống... Dựa vào sự theo dõi, giúp đỡ, đánh giá khách quan về tiềm năng và các nguồn lực có được từ cá nhân, gia đình và yêu cầu về tình hình nhân lực kinh tế, xã hội, môi trường, giúp học sinh có sự lựa chọn nghề nghiệp đúng đắn, phù hợp. Hướng tới việc sẵn sàng giúp đỡ học sinh những dịch vụ liên quan đến lĩnh vực tâm lý có tính chữa trị và những vấn đề có tính giáo dục.
- Hình thức tư vấn học đường phân loại theo 2 tính chất tư vấn: Tư vấn trực tiếp gồm: tư vấn trực tiếp tại trung tâm tư vấn; tư vấn trực tiếp trước lớp; tư vấn trước toàn trường và Tư vấn gián tiếp: Tư vấn học đường phân loại theo đối tượng tư vấn: Tư vấn cá nhân; tư vấn nhóm; tư vấn gia đình.

- Phương pháp tư vấn học đường cho học sinh tiểu học: phương pháp đàm thoại; phương pháp quan sát; phương pháp kể chuyện; phương pháp đóng vai và xử lý tình huống; phương pháp trực quan; phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.

4.4. Các nguyên tắc tư vấn học đường cho học sinh tiểu học:

Gồm các nguyên tắc sau: Nguyên tắc có trách nhiệm đối với học sinh; nguyên tắc bảo mật; nguyên tắc tin tưởng vào khả năng tự quyết của học sinh.

4.5. Các kỹ năng tư vấn học đường cho học sinh tiểu học:

Gồm các kỹ năng: Nhóm kỹ năng chung: kỹ năng lắng nghe; kỹ năng hỏi; kỹ năng thấu cảm; kỹ năng phản hồi; kỹ năng cung cấp thông tin; kỹ năng hóa giải im lặng; kỹ năng đối đầu. Nhóm kỹ năng tư vấn chuyên biệt: kỹ năng phát hiện sớm; kỹ năng đánh giá tâm lý học sinh; kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động phòng ngừa trong nhà trường; kỹ năng can thiệp; kỹ năng phân phối các lực lượng giáo dục; kỹ năng lập và lưu trữ hồ sơ tâm lý học sinh.

4.6. Liên hệ thực tiễn tại cơ sở giáo dục nơi đang công tác.

Tại đơn vị tôi công tác thì công tác tư vấn học đường đã được quan tâm tuy nhiên chưa có cán bộ tư vấn học đường mà giáo viên chủ nhiệm đang phải kiêm nhiệm hai nhiệm vụ đó là dạy học và tư vấn viên cho học sinh vì vậy Muốn làm được điều đó, ngay từ đầu năm học, khi vừa nhận lớp, giáo viên chủ nhiệm phải tìm hiểu thật cặn kẽ tình hình học sinh thông qua các nguồn khác nhau. Từ bản thân các em thông qua Phiếu thông tin cá nhân, có thể nắm được hoàn cảnh kinh tế gia đình, tình hình nhà ở, mối quan hệ gia đình, xã hội, những ước muốn, sở trường, những khó khăn nếu có,... Với những thông tin đầu tiên này, giáo viên chủ nhiệm có thể sàng lọc chọn ra những học sinh có hoàn cảnh đặc biệt để nếu cần, thu thập thêm thông tin về các em thông qua bạn bè, cha mẹ, giáo viên chủ nhiệm hay thầy cô cũ của các em. Tuy nhiên, trong cuộc sống, không có gì là không thể xảy ra. Vì vậy, đối với những học sinh được đánh giá thật bình thường về hoàn cảnh, về tâm lý, cũng không nên chủ quan cho rằng không cần phải quan tâm đến các em. giáo viên chủ nhiệm phải thể hiện sự quan tâm của mình đến với từng học sinh, nhưng cũng phải đặt trọng tâm, trọng điểm ở một số học sinh các biệt. Song song đó, giáo viên chủ nhiệm cũng cần tự hình thành cho

minh một mạng lưới thu thập thông tin riêng từ các nguồn: giáo viên bộ môn, giám thị phụ trách lớp, cha mẹ, bạn bè của học sinh.

Sau khi nắm chắc được tình hình học sinh, giáo viên chủ nhiệm tiến hành bước thứ hai: quan sát. Quan sát để phát hiện những thay đổi trong hành vi, những hiện tượng bất thường trong đời sống học đường, quan sát những biểu hiện của học sinh có nguy cơ rối nhiễu tâm lý. Đó có thể là những biểu hiện nhỏ: đi trễ, không mang giày, cúi gắt với bạn, lo ra,... hay lớn hơn: nghỉ học không xin phép. Và nghiêm trọng hơn, như vi phạm kiểm tra, vô lễ với giáo viên, ... Với những học sinh cá biệt, việc nghỉ học là chuyện thường ngày, nhưng với những học sinh vốn ngoan ngoãn, chăm chỉ thì một biểu hiện nhỏ nhất cũng là điều cần lưu ý.

Ngoài ra, nhằm xây dựng môi trường tâm lý thuận lợi cho học sinh, giáo viên chủ nhiệm cần tổ chức các hoạt động tập thể, vui chơi, hoạt động giáo dục trong phạm vi lớp chủ nhiệm. Đó có thể là một chuyến dã ngoại nho nhỏ, một hoạt động ngoài giờ lên lớp do chính các em thiết kế và thực hiện chương trình. Những hoạt động ngoài nhà trường thông thường sẽ giúp cho thầy và trò gần gũi, gắn bó với nhau, dễ cảm thông cho nhau. Việc để học sinh tự thực hiện hoạt động ngoài giờ lên lớp vừa phát huy được năng lực sáng tạo của các em, vừa tạo điều kiện cho các em thể hiện các kỹ năng sống cần có: kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng hợp tác, kỹ năng thể hiện sự tự tin, kỹ năng giao tiếp, ...

Tuy nhiên, không phải lúc nào giáo viên chủ nhiệm cũng có thể ngăn chặn được những trở ngại về tâm lý của học sinh. Việc trực tiếp tư vấn tâm lý cho các em là một trong những hoạt động mà có lẽ tất cả giáo viên chủ nhiệm đều trải qua. Tùy vào từng đối tượng học sinh, tùy vào mức độ của vấn đề, tùy vào nội dung vấn đề mà có cách giải quyết khác nhau, nhưng nhìn chung, giáo viên chủ nhiệm thường tiếp xúc với 2 đối tượng: học sinh cần tư vấn và các đối tượng có liên quan.

Với học sinh cần tư vấn, giáo viên chủ nhiệm cần thật nhẹ nhàng, kiên nhẫn, tỏ ra biết lắng nghe và biết thấu hiểu. Khi thầy cô lắng nghe và thể hiện sự thấu hiểu, các em sẽ dễ dàng bày tỏ những điều đang chất chứa trong lòng. Tuy nhiên, việc cần làm của giáo viên chủ nhiệm trong công tác tư vấn không phải là chỉ ra cho các em vấn đề nằm ở đâu và giải quyết vấn đề thay cho các em, mà là tạo điều kiện để học sinh tự

nói ra vấn đề, tự nhìn nhận, đánh giá vấn đề, tự giải quyết vấn đề, nếu như vấn đề nằm trong khả năng của các em. Với việc lựa chọn nghề nghiệp của các em trong tương lai, giáo viên chủ nhiệm không nên cho học sinh biết là em thích hợp với nghề gì, nên chọn ngành học nào. Ở đây, bản thân các em phải tự ý thức được mình là ai, mình đang ở đâu, và quan trọng hơn, các em phải hiểu rằng tuy cần có sự trợ giúp, góp ý của người lớn, nhưng tương lai là do mình tự quyết định lấy. Nói cách khác, giáo viên chủ nhiệm với tư cách là người tư vấn, phải khơi dậy được ở học sinh niềm tin vào bản thân, gạt bỏ những rào cản tâm lý để các em có thể đối mặt với những vấn đề của mình. Tuy nhiên, khi vấn đề không chỉ thuộc về cá nhân học sinh, thì giáo viên chủ nhiệm lại phải trợ giúp cho các em bằng nhiều cách, trong đó có việc tiếp xúc với các đối tượng có liên quan.

Tư vấn cho học sinh không dễ, tiếp xúc với cha mẹ, thầy cô bộ môn của các em lại càng khó hơn. Xử lý không khéo, sẽ dễ dẫn đến việc bị hiểu lầm. Vì thế, giáo viên chủ nhiệm cần khéo léo, bình tĩnh và ôn hòa giúp cho các bậc cha mẹ hiểu được rằng, mục đích của cuộc gặp gỡ là vì con cái của họ, vì để tạo điều kiện tốt nhất cho các em học tập. Với giáo viên bộ môn, cũng cần phải rất tế nhị, vì những trao đổi có liên quan đến học sinh cũng có thể chạm đến lòng tự trọng của đồng nghiệp, dễ gây sự hiểu lầm không nên có. Lúc đó, không giúp được gì cho học sinh của mình mà ngược lại, còn khiến mối quan hệ thầy trò của các em thêm căng thẳng. Ngoài ra, trong quá trình tư vấn, giáo viên chủ nhiệm cần phải tranh thủ sự hỗ trợ từ nhiều phía: giáo viên bộ môn, Ban Giám hiệu trường,... nếu thấy cần thiết.

Tóm lại, trong nhà trường phổ thông đặc biệt là nhà trường tiểu học, việc tư vấn tâm lý cho học sinh là một hoạt động không thể thiếu. Việc làm này đòi hỏi người giáo viên phải bỏ ra nhiều thời gian, công sức và tâm huyết. Nhưng trong quá trình thực hiện tư vấn tâm lý cho học sinh, giáo viên chủ nhiệm cũng gặp không ít khó khăn khách quan và chủ quan: những giáo viên trẻ chưa đủ kinh nghiệm và vốn sống, thầy cô lớn tuổi lại khó tìm được tiếng nói chung với những đứa trẻ chưa bằng tuổi con mình, có người quá bận rộn nên không đủ thời gian giải quyết vấn đề cho đến nơi đến chốn, có người không đủ năng lực để giải quyết vấn đề mà học sinh đặt ra,... Do đó, còn theo đuổi nghề giáo, còn ở vị trí của một giáo viên chủ nhiệm thì còn cần phải không ngừng học hỏi, chia sẻ với đồng nghiệp những kinh nghiệm, kỹ năng tư vấn tâm lý.

5. Trong “công tác Tổ chức hoạt động dạy học, xây dựng và phát triển kế hoạch giáo dục ở trường Tiểu học” được học tập và nghiên cứu trong chuyên đề 5 những nội dung chính cần nắm được là:

Tổ chức hoạt động dạy học, xây dựng và phát triển kế hoạch giáo dục ở trường tiểu học là việc làm thường xuyên của mỗi giáo viên. Vậy làm thế nào để thực hiện có hiệu quả các hoạt động dạy học? Xây dựng và phát triển kế hoạch giáo dục ở trường tiểu học đạt chất lượng tốt?

Để trả lời cho các câu hỏi trên, chuyên đề đã nêu làm rõ cách xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục trong trường tiểu học; xây dựng và quản lý hồ sơ dạy học có hiệu quả; cách tiếp cận phát triển chương trình giáo dục tiểu học; nguyên tắc và quy trình phát triển kế hoạch giáo dục ở trường tiểu học.

5.1 Tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục:

Sau khi học tập và nghiên cứu bản thân đã nhận thức được biết cách: Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học và giáo dục trong trường tiểu học. Xây dựng và quản lý hồ sơ dạy học, giáo dục trong trường tiểu học; Triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học. Sử dụng thiết bị dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học; Nêu được các hoạt động đánh giá kết quả học tập của học sinh; Nêu được các hoạt động của tổ chuyên môn trong trường tiểu học; Quản lý hoạt động học của học sinh.

5.2. Cách xây dựng và phát triển kế hoạch giáo dục ở trường tiểu học:

- Tìm hiểu kinh nghiệm trong nước và quốc tế về phát triển chương trình giáo dục: Đội ngũ giáo viên, giáo viên ở các nước OECD trình độ thạc sĩ. Giáo viên ở phần nhiều nước như Malaysia, Hàn Quốc, Nga,... đều có trình độ đại học trở lên. Một số nước (Phần Lan, Malayxia) có hướng phát triển năng lực nghiên cứu trong đào tạo giáo viên. Thời gian đào tạo giáo viên ở các nước khác nhau, chẳng hạn: thời gian đào tạo giáo viên tiểu học ở Anh, Bắc Ai len, xứ Wales là từ 3 đến 5 năm. Thời gian đào tạo giáo viên tiểu học ở Pháp, Đức, Canada, Úc, Mỹ khoảng 5 năm. Thời gian đào tạo giáo viên ở Nhật là 4 năm. Thống kê của INCA về số năm đào tạo giáo viên tiểu học

và trung học cơ sở được cho bởi các bảng 84.3....Tỷ lệ giáo viên/học sinh ở các nước nhìn chung là thấp, giáo viên có điều kiện tổ chức dạy học phân hóa (vi mô).

- Tìm hiểu các quan điểm tiếp cận trong phát triển chương trình giáo dục tiểu học: Tiếp cận hiểu một cách thông thường là tiến gần đến một ai, một vật gì đó. Trong lý luận về phát triển chương trình (development curriculum) thuật ngữ tiếp cận (to approach) chỉ cách thức vận dụng một số phương pháp để tìm hiểu, thiết kế một chương trình giáo dục (chương trình giáo dục). Từ góc độ này, có thể thấy ý nghĩa của thuật ngữ tiếp cận nghiêng nhiều về quan điểm thiết kế chương trình, là phương pháp luận của việc xây dựng chương trình chứ không phải là một phương pháp cụ thể nào đó. Cách tiếp cận sẽ định hướng cho toàn bộ các thành tố của chương trình giáo dục: từ đề xuất mục tiêu, chuẩn chương trình đến xác định các lĩnh vực/ môn học, các hoạt động; từ việc lựa chọn nội dung, phương pháp dạy học, cách tổ chức đến kiểm tra đánh giá kết quả... Có nhiều cách tiếp cận chương trình, bài viết này tập trung vào một vài cách tiếp cận cơ bản được nhiều nước vận dụng trong các lần phát triển chương trình gần đây nhất, đặc biệt là hướng tiếp cận năng lực. Tiếp cận kết quả đầu ra như NIER (1999) đã xác định “là cách tiếp cận nêu rõ kết quả - những khả năng hoặc kỹ năng (abilities or skills) mà học sinh mong muốn đạt được vào cuối mỗi giai đoạn học tập trong nhà trường ở một môn học

- Năng lực có thể định nghĩa như là một khả năng hành động hiệu quả bằng sự cố gắng dựa trên nhiều nguồn lực. Những khả năng này được sử dụng một cách phù hợp, bao gồm tất cả những gì học được từ nhà trường cũng như những kinh nghiệm của học sinh; những kỹ năng, thái độ và sự hứng thú; ngoài ra còn có những nguồn bên ngoài chẳng hạn như bạn cùng lớp, thầy cô giáo, các chuyên gia hoặc các nguồn thông tin khác. Năng lực là một tiêu chuẩn đòi hỏi ở một cá nhân khi thực hiện một công việc cụ thể. Nó bao gồm sự vận dụng tổng hợp các tri thức, kỹ năng và hành vi ứng xử trong thực hành. Nói một cách khái quát năng lực là một trạng thái hoặc một phẩm chất, một khả năng tương xứng để có thể thực hiện một công việc cụ thể.

+ Xác định hệ thống năng lực chung: Tư duy phê phán, tư duy logic ;Giao tiếp, làm chủ ngôn ngữ; Tính toán, ứng dụng số; Đọc- viết (literacy); Làm việc nhóm - quan hệ với người khác ; Công nghệ thông tin- truyền thông (Chương trình) ; Sáng tạo, tự chủ ; Giải quyết vấn đề.

+ Lĩnh vực năng lực chính đó là: Giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ ; Giao tiếp bằng tiếng nước ngoài ; Công nghệ thông tin và truyền thông ; Tính toán và năng lực toán, khoa học, công nghệ ; Doanh nghiệp, kinh doanh (entrepreneurship) ; Năng lực liên cá nhân và năng lực công dân ; Hiểu biết về học (learning to learn) ; Văn hoá chung.

Khi xác định hệ thống năng lực chung cần trang bị cho học sinh, chương trình bao giờ cũng nêu rõ nội dung mỗi năng lực, tức là trả lời câu hỏi: năng lực này là gì? Chẳng hạn năng lực tư duy được chương trình Úc giới thuyết như sau: “Năng lực tư duy được xem là trình độ vận dụng hoạt động trí tuệ, nó rất đa dạng trong việc sử dụng thông tin để đạt kết quả. Năng lực tư duy bao gồm các yếu tố như giải quyết vấn đề, ra những quyết định, tư duy phê phán, phát triển lập luận và sử dụng các chứng cứ chứng minh cho lập luận của mình. Năng lực tư duy là cốt lõi của nhiều hoạt động trí tuệ.”

5.3. Phát triển chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực

Cách tiếp cận dựa vào năng lực cho đến nay đã trở thành xu hướng chủ yếu, thu hút sự quan tâm của đa số các nước, được coi là một trong những cách tiếp cận tốt nhất trong việc xây dựng chương trình giáo dục phổ thông để đáp ứng được những đòi hỏi và thách thức của xã hội hiện đại.

Cho dù có nhiều cách hiểu khác nhau về năng lực nhưng tất cả đều thống nhất ở các nội dung:

- Các nội dung giảng dạy không chỉ gồm kiến thức và kỹ năng mà phải đi xa hơn.
- Học sinh là người có vai trò chính trong việc học của bản thân.
- Khả năng hành động theo tình huống được đề cao, vai trò của những tình huống phức hợp trong việc học tập được thừa nhận.

Chương trình dựa vào năng lực chủ trương giúp học sinh không chỉ biết, thuộc, ghi nhớ mà còn phải biết làm thông qua các hoạt động cụ thể, sử dụng những tri thức học được để giải quyết những tình huống đặt ra trong cuộc sống. Chương trình tiếp cận năng lực luôn đặt ra câu hỏi: Biết làm gì từ những điều đã biết?

5.4. Liên hệ thực tiễn tại cơ sở giáo dục nơi đang công tác

Qua các kiến thức đã được học tập, bồi dưỡng tại chuyên đề này tôi nhận thấy: Lập kế hoạch giáo dục ở nhà trường (phát triển chương trình giáo dục của nhà trường) nhằm cụ thể hóa nội dung và cách thức triển khai chương trình chung phù hợp với thực tiễn của địa phương trên cơ sở đảm bảo yêu cầu chung của chương trình quốc gia; lựa chọn, xây dựng nội dung (phần dành cho nhà trường xác định); và xác định cách thức, kế hoạch thực hiện phản ánh đặc trưng và phù hợp với thực tiễn nhà trường, những yêu cầu, thành tựu hiện đại (về khoa học giáo dục, công nghệ...); nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển các phẩm chất, năng lực của người học, thực hiện có hiệu quả mục tiêu giáo dục.

Qua khóa học này tôi xin đưa ra một số bài học nhằm nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động dạy học, xây dựng và phát triển kế hoạch giáo dục ở trường tiểu học như sau: Tổ chức học tập, tìm hiểu về chương trình và kế hoạch dạy học, quy chế chuyên môn, nhiệm vụ năm học. Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học và các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn và của mỗi giáo viên. Quản lý kế hoạch dạy học của giáo viên và tổ chuyên môn. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình và kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn, của giáo viên. Các tổ chuyên môn cần linh hoạt, chủ động, sáng tạo để xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp điều kiện thực tế và mục đích ưu tiên của tổ; phù hợp với nhu cầu học sinh. Kế hoạch giảng dạy cần chú ý tới việc tổ chức dạy học phân hóa dựa trên nghiên cứu nhu cầu, sở trường, phong cách học, năng lực học sinh, đặc điểm đặc thù của từng nhóm học sinh. Có các biện pháp giúp các em khắc phục những hạn chế, yếu kém, đồng thời có các biện pháp phát huy những thế mạnh của học sinh. Xây dựng kế hoạch giáo dục hàng năm trên cơ sở đánh giá nghiêm túc kế hoạch đã thực hiện để có những điều chỉnh phù hợp.

6. Về “công tác phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III” được học tập và nghiên cứu trong chuyên đề 6 đây là nội dung tôi nhận thấy mình đúng đắn khi tham gia học lớp này, chuyên đề đã giúp tôi định hướng đúng hơn nữa việc học tập và nghiên cứu phục vụ cho công tác chuyên môn thời gian tới, nội dung chính của chuyên đề là:

Chuyên đề Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III trình đã đưa ra những vấn đề sau: Yêu cầu của người giáo viên thế kỉ 21, trong đó nhấn mạnh đến vai trò quan trọng của đội ngũ giáo viên cốt cán đối với sự nghiệp đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và những vấn đề cơ bản (kế hoạch, các biện pháp, chiến lược,...) để phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên tiểu học nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục tiểu học hiện nay.

6.1 Những năng lực cần thiết của người giáo viên thế kỷ XXI:

- Năng lực dự đoán tương lai: Một nhà giáo dục hiệu quả trong thế kỷ 21 phải là một người hiểu biết các xu thế thay đổi nhanh chóng của công nghệ, của nền kinh tế, dự đoán được nhu cầu tương lai đối với nguồn nhân lực để cung cấp cho học sinh của mình những kỹ năng giáo dục và năng lực cần thiết.

- Năng lực học tập suốt đời Chuck Dinsfriend – Giám đốc dịch vụ IT quận Woodburnt cho rằng không chỉ giáo viên mà bất cứ ai biết sử dụng công nghệ thông tin để tăng năng suất, bất kể trong lĩnh vực sản xuất, bán hàng, tiếp thị, khoa học, nghiên cứu hay giáo dục thì yếu tố quan trọng nhất họ phải là người linh hoạt, học tập suốt đời, chấp nhận và nắm bắt thời cơ thay đổi, sẵn sàng làm kể cả có nguy cơ thất bại và biết chấp nhận thất bại (vì từ thất bại những ý tưởng cải tiến được hình thành và sẽ học được các kỹ năng mới), tập trung vào quá trình và kết quả hơn là công cụ. Một nhà giáo dục lớn không chỉ nắm bắt được công nghệ mà còn là người sẵn sàng học hỏi từ đồng nghiệp và học sinh của mình. Nhà giáo dục hiệu quả thế kỷ 21 cần biết cách đặt câu hỏi mở với học sinh của mình mà không cần đòi hỏi phải có câu trả lời chính xác. Nhà giáo dục như vậy sẽ khuyến khích học sinh tự chiếm lĩnh tri thức, học tập trở nên có ý nghĩa đối với họ bởi vì họ học và làm việc thông qua các hoạt động thực tiễn.

- Năng lực thúc đẩy các mối quan hệ Công nghệ có thể làm gia tăng sự cô độc, do vậy cần dạy các kỹ năng giao tiếp con người trong nhà trường để học sinh có thể thành công trong công việc và xã hội khi ra trường. Hãy giúp học sinh học các bài học về cuộc sống, mối quan hệ giữa con người - con người, cho các em thấy sự quan tâm, chỉ bảo của giáo viên – những điều này sẽ giúp các em thành công hơn trong cuộc sống.

- Năng lực sử dụng công nghệ hiệu quả Trẻ em trong độ tuổi đến trường tiếp cận và nắm bắt được công nghệ thông tin và truyền thông rất nhanh.

6.2. Những nhóm phát triển năng lực nghề nghiệp cần phát triển năng lực hiện nay:

- Nhóm các năng lực chung: Phẩm chất chính trị; Năng lực giao tiếp; Năng lực giáo dục học sinh; Năng lực dạy học; Năng lực phát triển nghề nghiệp; Năng lực hoạt động xã hội và tổ chức các hoạt động xã hội

- Nhóm năng lực đặc thù: Năng lực giáo dục Ngữ văn; Năng lực giáo dục Toán học; Năng lực dạy học tích hợp thông qua các chủ đề liên môn Tự nhiên và xã hội; Năng lực giáo dục lối sống; Năng lực giáo dục nghệ thuật

6.3. Liên hệ thực tiễn tại cơ sở giáo dục nơi đang công tác:

Qua nội dung chuyên đề bản thân tôi nhận thấy để làm tốt nhiệm vụ trong thời gian tới và gáo phần xây dựng tập thể đơn vị phát triển cần làm tốt những nội dung sau: Trước hết đối với bản thân là giáo viên trực tiếp giảng dạy phải không ngừng học tập trau dồi kiến thức để phát triển năng lực nghề nghiệp của mình, rèn luyện tác phong đạo đức nhà giáo. Bên cạnh đó với trình độ được đào tạo và xét các tiêu chí theo quy định bản thân tôi đang phấn đấu để trở thành giáo viên tiểu học hạng III do đó ngay từ bây giờ cần xác định rõ trách nhiệm của bản thân khi trở thành giáo viên giáo viên tiểu học hạng III. Bản thân phải tự học tập rèn luyện để đạt chuẩn theo quy định của một giáo viên giáo viên tiểu học hạng III, để có thể giúp đỡ và triển khai được những nội dung công việc cho các đồng nghiệp thì bản thân phải tích cực học tập vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học mới, tham mưu đắc lực cho hiệu trưởng trong công tác phát triển chuyên môn nghiệp vụ trong đơn.

7. Nội dung tiếp theo là “Dạy học theo định hướng phát triển năng lực ở học sinh tiểu học” được nghiên cứu tại chuyên đề 7 với những nội dung sau:

Chuyên đề Dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh ở trường tiểu học trình bày những vấn đề sau: Một số vấn đề cơ bản về dạy học theo định hướng phát triển năng lực và một số phương pháp dạy học hiệu quả theo hướng tiếp cận năng lực. Đồng thời, chuyên đề cũng giới thiệu về quan điểm dạy học tích hợp theo chủ đề liên

môn và tạo điều kiện cho học viên chia sẻ kinh nghiệm của cá nhân trong dạy học tích hợp theo chủ đề liên môn.

7.1. Dạy học theo định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực là khả năng thực hiện hiệu quả các hành động, các vấn đề liên quan đến một lĩnh vực nhất định dựa trên cơ sở hiểu biết, kỹ năng, kỹ xảo và sự sẵn sàng hành động.
- Tiếp cận năng lực là hướng vào năng lực và phát triển các năng lực. Dạy học tiếp cận năng lực có nghĩa là các hoạt động dạy học hướng vào phát triển năng lực người học nhằm đáp ứng yêu cầu xã hội.

7.2. Một số phương pháp dạy học hiệu quả:

Sau khi được bồi dưỡng và nghiên cứu tài liệu bản thân nhận thức được phương pháp dạy học hiệu quả như sau: Hiểu được sự thể hiện các phương pháp dạy học hiệu quả: giải quyết vấn đề, hướng dẫn học tập thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng dẫn học tập kiến tạo, tận dụng sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông và quy trình vận dụng các phương pháp này vào quá trình dạy học. Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực vào dạy một nội dung cụ thể nhằm phát huy năng lực của người học.

7.3. Dạy học tích hợp theo chủ đề liên môn:

- Sau khi bồi dưỡng bản thân hiểu được dạy học tích hợp theo chủ đề liên môn như sau: Nêu được cơ sở lý luận và thực tiễn của dạy học tích hợp; Nêu được các nguyên tắc và các bước xây dựng các chủ đề tích hợp liên môn. Lập kế hoạch và tổ chức dạy học theo nội dung tích hợp liên môn.
- Tích hợp là sự kết hợp những hoạt động, chương trình hoặc các thành phần khác nhau thành một khối chức năng. Tích hợp có nghĩa là sự thống nhất, sự hòa hợp, sự kết hợp
- Chương trình dạy nghề truyền thống phần lớn là theo quan điểm tiếp cận nội dung. Chương trình dạy nghề được thiết kế thành các môn học lý thuyết và môn học thực hành riêng lẻ nhau. Chính vì vậy loại chương trình này có những hạn chế: Quá nặng

về phân tích lý thuyết, không định hướng thực tiễn và hành động; thiếu và yếu trong phát triển kỹ năng quan hệ qua lại giữa các cá nhân; lý thuyết và thực hành tách rời nhau ít có mối quan hệ; không giúp người học làm việc tốt trong các nhóm; nội dung trùng lặp, học có tính dự trữ; không phù hợp với xu thế học tập suốt đời... Cùng với xu thế đổi mới về giáo dục tại Việt Nam, thì chương trình dạy nghề trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp được thiết kế theo quan điểm kết hợp môn học và mô đun kỹ năng hành nghề. Các mô đun được xây dựng theo quan điểm hướng đến năng lực thực hiện. Mô đun là một đơn vị học tập có tính trọn vẹn, tích hợp giữa lý thuyết và thực hành để người học sau khi học xong có năng lực thực hiện được công việc cụ thể của nghề nghiệp. Như vậy dạy học các mô đun thực chất là dạy học tích hợp nội dung để nhằm hướng đến mục đích sau: Gắn kết đào tạo với lao động; học đi đôi với hành, chú trọng năng lực hoạt động; dạy học hướng đến hình thành các năng lực nghề nghiệp, đặc biệt năng lực hoạt động nghề; khuyến khích người học học một cách toàn diện hơn; nội dung dạy học có tính động hơn là dự trữ; người học tích cực, chủ động, độc lập hơn...

7.4. Liên hệ thực tiễn tại cơ sở giáo dục nơi đang công tác.

- Việc đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực có những yêu cầu sau: Việc phát triển năng lực cho học sinh là khâu rất quan trọng trong giai đoạn đổi mới giáo dục hiện nay, song song với việc phát triển năng lực của giáo viên thì việc phát triển năng lực cho học sinh đã và đang được nhà trường đưa vào trong mục tiêu giáo dục của nhà trường và đó là một nội dung trọng tâm trong việc nâng cao chất lượng dạy và học; Để phát huy được hiệu quả của việc dạy học theo định hướng phát triển năng lực giáo viên cần sử dụng các phương pháp dạy học tích cực cụ thể như: phương pháp giải quyết vấn đề; hướng dẫn học tập thông qua hoạt động trải nghiệm; hướng dẫn học tập kiến tạo; ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy.

- Một nội dung trong chuyên đề 7 đó là hoạt động dạy học tích hợp theo chủ đề liên môn, nghĩa là dạy học những nội dung kiến thức liên quan đến hai hay nhiều môn học. Qua được học tập và ứng dụng thực tế tôi nhận thấy dạy học theo chủ đề tích hợp liên môn có rất nhiều ưu điểm như: Với học sinh được tăng cường vận dụng kiến thức tổng hợp vào giải quyết các tình huống thực tiễn, ít phải ghi nhớ kiến thức một cách máy móc. Điều quan trọng hơn là các chủ đề tích hợp liên môn giúp cho học sinh

không phải học lại nhiều lần cùng một nội dung kiến thức ở các môn học khác nhau, tích hợp có tính thực tiễn nên sinh động, hấp dẫn, có ưu thế trong việc tạo ra động cơ, hứng thú học tập cho học sinh.

8. Với “hoạt động thanh tra kiểm tra và một số hoạt động đảm bảo chất lượng trường TRUNG HỌC CƠ SỞ” được nghiên cứu trong chuyên đề 8 tôi xin rút ra một số vấn đề sau:

Trong thực tiễn giáo dục phổ thông hiện nay, công tác thanh tra kiểm tra nhằm xem xét, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường trên cơ sở những quy định về các hoạt động chuyên môn (mục tiêu, kế hoạch, chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục, quy chế chuyên môn, quy chế thi, xét tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ, quy chế đánh giá, xếp loại giáo viên) và những quy định về điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, đào tạo. Đánh giá đúng thực trạng, tình hình nhà trường trong mối quan hệ chung và có sự so sánh với mặt bằng của địa phương, khu vực vùng miền và tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia, trường học thân thiện, học sinh tích cực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khẳng định những mặt đã làm được và tư vấn biện pháp khắc phục hạn chế, yếu kém đồng thời đưa ra các biện pháp kiểm soát, nâng cao chất lượng giáo dục ở trường tiểu học cần thiết phù hợp với thực tế địa phương

8.1. Thanh tra, kiểm tra hoạt động chuyên môn ở trường tiểu học

- Thanh tra giáo dục là thanh tra chuyên ngành về giáo dục. Thanh tra giáo dục thực hiện quyền thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước về giáo dục, nhằm bảo đảm việc thi hành pháp luật, phát huy nhân tố tích cực, phòng ngừa và xử lý vi phạm, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực giáo dục.

- Các phương pháp thực hiện thanh tra giáo dục gồm: Phương pháp thực hiện thanh tra giáo dục có những phương pháp cơ bản bao gồm: Phương pháp quan sát; Phương pháp điều tra; phương pháp kiểm tra; phương pháp tham gia các hoạt động cụ thể; phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu đối chiếu thực tế. Tóm lại, có nhiều phương pháp thanh tra giáo dục song không có phương pháp nào là vạn năng và chiếm địa vị độc tôn, mỗi phương pháp đều có mặt mạnh, mặt yếu và tác dụng của chúng cũng

khác nhau tùy thuộc vào đối tượng, tình huống cụ thể và đặc điểm cá nhân của thanh tra viên trong quá trình sử dụng chúng và Phương tiện thực hiện thanh tra giáo dục: Để công tác thanh tra giáo dục có hiệu quả tối ưu, Đoàn thanh tra và các thanh tra viên cần được trang bị những công cụ và phương tiện thanh tra cơ bản sau: Các văn bản, tài liệu phục vụ cho hoạt động của Đoàn thanh tra giúp cho Đoàn thanh tra và thanh tra viên nhận thức đúng, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền thanh tra giáo dục; Các phương tiện đi lại ăn ở cho Đoàn thanh tra và thanh tra viên; Văn phòng phẩm, trang bị, thiết bị công tác; Phương tiện thông tin liên lạc; Kinh phí phục vụ cho hoạt động thanh tra.

- Thanh tra giáo dục ở tiểu học gồm: Thanh tra trường tiểu học: Đối tượng thanh tra giáo dục tiểu học là các cơ sở giáo dục của cấp Tiểu học; cơ quan có thẩm quyền tiến hành thanh tra các cơ sở giáo dục tiểu học là Phòng giáo dục và đào tạo; khi tiến hành thanh tra một trường tiểu học, Đoàn thanh tra thực hiện các nội dung thanh tra chủ yếu sau: Thanh tra tổ chức cơ sở giáo dục, thanh tra cơ sở vật chất kỹ thuật nhà trường, thanh tra tình hình thực hiện kế hoạch giáo dục, thanh tra chất lượng giáo dục học sinh, thanh tra công tác quản lý của hiệu trưởng, thanh tra các nhiệm vụ khác được giao và Thanh tra hoạt động sư phạm của giáo viên tiểu học: Việc tiến hành thanh tra hoạt động sư phạm của giáo viên tiểu học nhằm đánh giá việc thực hiện các nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy, giáo dục học sinh và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên, giúp họ nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục và đào tạo của nhà trường. Nội dung thanh tra hoạt động sư phạm của một giáo viên tiểu học bao gồm: trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, việc thực hiện quy chế chuyên môn, thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, giảng dạy và giáo dục học sinh.

8.2. Các hoạt động Đảm bảo chất lượng trường tiểu học:

- Chất lượng giáo dục - đào tạo là kết quả của quá trình giáo dục - đào tạo được phản ánh ở các đặc trưng về phẩm chất, giá trị nhân cách và giá trị sức lao động hay năng lực của người tốt nghiệp tương ứng với mục tiêu, chương trình giáo dục - đào tạo cụ thể. Đảm bảo chất lượng giáo dục là toàn bộ chủ trương, chính sách, mục tiêu, cơ chế quản lý, các hoạt động, điều kiện nguồn lực cùng các biện pháp khác để không ngừng duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục nhằm đáp ứng mục tiêu đề ra.

- Các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường tiểu học quy định với 3 cấp độ:
Cấp độ 1: Trường tiểu học có từ 60% tiêu chí trở lên đạt yêu cầu; Cấp độ 2: Trường tiểu học có từ 70% đến dưới 85% tiêu chí đạt yêu cầu, trong đó phải đạt được các tiêu chí sau: Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường gồm các tiêu chí: 1, 2, 4, 6; Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh gồm các tiêu chí: 1, 2, 3, 5; Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học gồm tiêu chí: 6; Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội gồm tiêu chí: 1; Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục gồm các tiêu chí: 1, 2, 4, 6, 7; Cấp độ 3: Trường tiểu học có ít nhất 85% tiêu chí đạt yêu cầu, trong đó phải đạt được các tiêu chí quy định ở cấp độ 2 gồm các tiêu chuẩn sau: Tổ chức và quản lý nhà trường; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học; quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục.

- Các biện pháp kiểm soát và nâng cao chất lượng giáo dục ở trường tiểu học: Nâng cao nhận thức đầy đủ về vị trí, tầm quan trọng của công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục của lãnh đạo và tập thể cán bộ, giáo viên; tăng cường phối hợp công tác thanh tra, kiểm tra với công tác đảm bảo chất lượng giáo dục và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong đơn vị để thực hiện công tác đảm bảo chất lượng giáo dục trong nhà trường.

8.3. Liên hệ thực tiễn tại cơ sở giáo dục nơi đang công tác.

Kiểm tra trong nội bộ nhà trường là hoạt động xem xét và đánh giá các hoạt động giáo dục, điều kiện dạy – học, giáo dục trong phạm vi nội bộ nhà trường nhằm mục đích phát triển sự nghiệp giáo dục nói chung, phát triển nhà trường, phát triển người giáo viên nói riêng. Kiểm tra trong nội bộ nhà trường là một trong các yếu tố quan trọng tạo nên chất lượng giáo dục trong nhà trường. Kiểm tra cần tập trung phân tích sự kiện tìm nguyên nhân sai lệch. Kiểm tra phải thúc đẩy tự kiểm tra.

Ngoài ra ở các trường Tiểu học hằng năm cũng được Phòng Giáo Dục triển khai công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch, chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo. Việc thực hiện các quy trình về soạn bài, bài giảng.....

9. Công tác “Sinh hoạt tổ chuyên môn và công tác bồi dưỡng Giáo viên trong tiểu học” trong chuyên đề 9 thể hiện những nội dung sau:

Qua học tập và nghiên cứu bản thân nhận thấy Chuyên đề Sinh hoạt tổ chuyên môn và công tác bồi dưỡng giáo viên trong trường tiểu học là chuyên đề trang bị cho học viên những kiến thức và những kỹ năng để tổ chức những hoạt động của tổ chuyên môn và công tác bồi dưỡng giáo viên; có khả năng phát triển nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong kế hoạch hoạt động nâng cao năng lực giáo viên và chất lượng giáo dục ở trường tiểu học.

9.1 Hoạt động của tổ chuyên môn

- Tổ chuyên môn là một bộ phận cấu thành của trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; tổ chuyên môn là nơi trực tiếp triển khai các mặt hoạt động của nhà trường; tổ chuyên môn là đầu mối quản lý mà Hiệu trưởng; đặc biệt, tổ chuyên môn là nơi tập hợp, đoàn kết. Chức năng của tổ chuyên môn giúp Hiệu trưởng điều hành các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn liên quan đến dạy và học. Nhiệm vụ tổ chuyên môn: Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ; Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ, tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên của tổ theo các quy định; Đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên.

9.2 Mối quan hệ tổ chuyên môn và công tác bồi dưỡng giáo viên của trường tiểu học

Sau khi bồi dưỡng bản thân có khả năng: Nắm được hoạt động của tổ chuyên môn và công tác bồi dưỡng giáo viên: tạo lập môi trường tự học, tự bồi dưỡng và hợp tác chia sẻ; tổ chức thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và giáo dục; bồi dưỡng và tập huấn giáo viên; học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm giữa các cơ sở giáo dục. Để bồi dưỡng giáo viên trường tiểu học thì tổ chuyên môn tạo lập môi trường tự học, tự bồi dưỡng và hợp tác chia sẻ; tổ nhóm chuyên môn tổ chức thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và giáo dục; tổ chuyên môn với công tác bồi dưỡng giáo viên tập sự và bồi dưỡng giáo viên tại trường, tập huấn giáo viên; tổ chuyên môn kết hợp các phương thức với sự hỗ trợ bồi dưỡng trực tuyến và khai thác mã nguồn mở cho giáo viên; tổ chuyên môn giao lưu học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm giữa các cơ sở giáo dục.

9.3. Tổ chuyên môn với việc ứng dụng khoa học:

Để làm tốt công tác tổ chuyên môn với việc ứng dụng khoa học phải thực hiện theo trình tự sau: Xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong kế hoạch hoạt động nâng cao năng lực giáo viên và chất lượng giáo dục sẽ giúp người nghiên cứu thực hiện xuyên suốt các bước nghiên cứu; tổ chuyên môn với việc phát hiện vấn đề và xác định chủ đề nghiên cứu sư phạm ứng dụng; tổ chức các hoạt động nghiên cứu sư phạm ứng dụng; đánh giá kết quả và tổ chức triển khai vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong trường tiểu học

9.4. Liên hệ thực tiễn tại cơ sở giáo dục nơi đang công tác.

Đối với bản thân tôi là một giáo viên đang thực hiện công tác giảng dạy tại nhà trường, qua việc được học tập, nghiên cứu phương pháp sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học và qua thực tế thực hiện tại đơn vị tôi nhận thấy: Sinh hoạt chuyên môn đã giải quyết được những bất cập trong sinh hoạt chuyên môn từ xưa tới nay, trước đây, người dự chỉ “mổ xẻ” cách dạy của người dạy mà quên đi đối tượng học sinh học như thế nào, giờ dạy rơi vào tình trạng phô diễn chứ không thực chất là một quá trình học tập. Khi áp dụng tiến hành đổi mới tổ chuyên môn đã xác định các bước đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn theo nghiên cứu bài học như sau: Chuẩn bị bài nghiên cứu, tiến hành dạy minh họa và dự giờ, suy ngẫm và chia sẻ tiết dạy, rút kinh nghiệm và vận dụng vào các bài giảng sau. Việc chọn tiết và chuẩn bị bài dạy là cả công trình của tập thể, kết quả trí tuệ và tâm huyết của mọi thành viên trong tổ chuyên môn từ nội dung kiến thức đến phương pháp, cách thức tổ chức giảng dạy... đã được tổ chuyên môn cùng xây dựng và thiết kế. Nhờ vậy mà phát triển năng lực chuyên môn của giáo viên thông qua sự tương tác có hệ thống với các giáo viên khác. Tuy nhiên giáo viên dạy vẫn có thể chủ động điều chỉnh tùy thuộc vào đối tượng học sinh của mình và sát với thực tế giảng dạy. Khi thảo luận, chuẩn bị bài giáo viên lấy học sinh làm trung tâm, tập chung phân tích những vấn đề liên quan đến người học. Tiến hành dạy minh họa thì cả tổ chuyên môn căn cứ vào những quy tắc khi tiến hành nghiên cứu bài học. Giáo viên là người dạy minh họa sẽ thay mặt nhóm thiết kế, thực hiện các ý tưởng đã được vạch sẵn theo lộ trình. Khi tiến hành dự giờ các thành viên trong tổ tự chọn cho mình vị trí thích hợp nhất để quan sát cung bậc cảm xúc, thái độ, hành vi trong các tình huống cụ thể của học sinh và đặc biệt chú ý quan sát đến khả năng lĩnh hội kiến thức, tiếp nhận nhiệm vụ học tập trong giờ học để sau này có những điều chỉnh phù hợp. Sau tiết dạy cả tổ cùng suy ngẫm và thảo luận, rút kinh

nghiệm để vận dụng vào các bài giảng sau. Các giáo viên đưa ra ý kiến nhận xét, góp ý trên tinh thần xây dựng, khi nhận xét chủ yếu hướng tới đối tượng người học xem các em học như thế nào? có hứng thú và đạt kết quả cao không? Từ đó tìm cách khắc phục những hạn chế còn mắc phải sao cho phù hợp nhất và mang lại hiệu quả cao nhất. Giờ dạy không đánh giá giáo viên, tạo tâm lý thoải mái, nhẹ nhàng cho người dạy. Qua đó tôi nhận thấy chất lượng chất lượng dạy – học trong nhà trường được nâng lên rõ rệt, học sinh chủ động, sáng tạo hơn trong việc thu nhận kiến thức và hình thành năng lực cá nhân.

10. Trong chuyên đề 10 Công tác “Xây dựng mối quan hệ trong và ngoài nhà trường để nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển trường tiểu học” cần lưu ý một số vấn đề sau:

Qua bồi dưỡng Chuyên đề 10 cung cấp cho tôi những kiến thức cơ bản về xã hội hóa giáo dục và xây dựng xã hội học tập; Xây dựng môi trường giáo dục đối với học sinh tiểu học; Phát triển mối quan hệ giữa các trường tiểu học và các bên liên quan; Kinh nghiệm thực tiễn tại các cơ sở và đơn vị giáo dục.

10.1 Xã hội hóa giáo dục:

- Xã hội hóa giáo dục Không chỉ là công việc của ngành giáo dục mà là sự nghiệp của toàn dân, của mọi tổ chức kinh tế xã hội dưới sự lãnh đạo của đảng và quản lý của nhà nước. Xã hội hóa giáo dục không chỉ là một giải pháp ngắn hạn trong lúc ngân sách nhà nước dành cho giáo dục còn hạn hẹp mà là một giải pháp lâu dài, mang tính chiến lược. Xã hội hóa giáo dục nhằm đến thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, nhằm làm cho không chỉ thế hệ trẻ mà là mọi người dân được hưởng các quyền lợi mà giáo dục đem đến đồng thời khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người dân, mọi tổ chức chính trị-kinh tế-văn hoá xã hội phát huy cao nhất trách nhiệm và năng lực của mình đóng góp cho sự nghiệp giáo dục. Xã hội hóa giáo dục còn nhằm đến mục tiêu xây dựng xã hội học tập trên đất nước, hình thành thói quen học suốt đời trong từng người dù là trí thức hay lao động chân tay, dù trẻ hay cao tuổi. Xã hội hóa công tác giáo dục là huy động toàn xã hội làm giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân góp sức xây dựng nền giáo dục quốc dân dưới sự quản lý của nhà nước.

- Xã hội hóa giáo dục chứa đựng hai nội dung: Giáo dục đối với xã hội; Xã hội đối với giáo dục. Hai nội dung (hai nhiệm vụ) này quan hệ với nhau, tương tác lẫn nhau và hỗ trợ cho nhau. Ta xét từng mặt của hai nội dung này: Nhiệm vụ của giáo dục đối với xã hội: Tạo ra phong trào học tập sâu rộng trong toàn xã hội theo nhiều hình thức, vận động toàn dân, trước hết là những người trong độ tuổi lao động thực hiện học tập suốt đời để làm việc tốt hơn, thu nhập cao hơn và có cuộc sống tốt đẹp hơn, làm cho xã hội ta trở thành xã hội học tập. Vận động toàn dân chăm sóc thế hệ trẻ, tạo môi trường giáo dục tốt lành, phối hợp chặt chẽ giữa giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và ngoài xã hội. Nhiệm vụ của xã hội đối với giáo dục: Tăng cường trách nhiệm của cấp ủy đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các đoàn thể quần chúng, các doanh nghiệp... đối với sự nghiệp giáo dục. Nâng cao ý thức trách nhiệm và sự tham gia của toàn dân, của mỗi người đối với giáo dục nhằm củng cố, tăng cường hiệu quả của hệ thống giáo dục để phục vụ tốt việc học tập của nhân dân. Xã hội hóa công tác giáo dục là “Huy động toàn xã hội làm giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân góp sức xây dựng nền giáo dục quốc dân dưới sự quản lý của nhà nước” (Văn kiện Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương, khóa VIII, trang 61).

10.2. Nhà trường với sự nghiệp xây dựng xã hội học tập và phát triển các trung tâm học tập cộng đồng.

Trung tâm học tập cộng đồng là một loại thiết chế giáo dục thường xuyên được tổ chức trên địa bàn xã, phường và thị trấn, Trung tâm học tập thật sự là tổ chức giáo dục được đưa đến tận những người dân, đặc biệt là những lao động không có điều kiện tới trường chính quy và những người nghèo, những người trong các nhóm yếu thế rất ít có cơ hội học tập. Có thể khẳng định ngay từ đầu rằng, không có các Trung tâm học tập cộng đồng (và những thiết chế giáo dục thường xuyên) cắm sâu trên địa bàn xã, phường và thị trấn, bắt rễ vào từng thôn, ấp, bản, làng, phun, sóc.... thì không thể nói đến việc thực hiện khẩu hiệu “ai cũng học tập”, và không thể xây dựng thành công xã hội học tập

10.3. Môi trường giáo dục nhà trường và phát triển mối quan hệ phát triển nhà trường và các mối liên quan

Môi trường giáo dục nhà trường là tập hợp các yếu tố. Môi trường đó bao gồm: yếu tố vật chất và yếu tố tâm lý, xã hội. Các yếu tố vật chất như sự sắp xếp, bố trí không gian trong trường học; các điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện hỗ trợ quá trình sư phạm. Trường học không chỉ có môi trường vật chất mà là một không gian tâm lý chất đầy vốn sống của giáo viên và học sinh, luôn có sự tương tác giao tiếp sư phạm.

Để phát triển mối quan hệ phát triển nhà trường và các mối liên quan ta có thể xem xã hội hóa giáo dục là sự huy động nguồn lực trong xã hội để làm giáo dục, để đấu tranh với nghèo nàn và lạc hậu, là tạo điều kiện tốt hơn, đồng thời cho người dân được hưởng thụ giáo dục có chất lượng và nhiều cơ hội học tập, đóng góp sáng kiến với giáo dục. Ngược lại không lạm dụng. Việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội với việc chăm sóc giáo dục trẻ là một nguyên tắc cơ bản nếu muốn có sự thành công. Sự phối hợp chặt chẽ ba môi trường giáo dục trên, trước là để đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức cũng như hoạt động giáo dục cùng một phương hướng, một mục đích, một tác động tổ hợp, đồng tâm tạo sức mạnh kích thích, thúc đẩy quá trình phát triển nhân cách của trẻ, tránh sự tách rời mâu thuẫn, bài xích lẫn nhau gây cho các em tâm trạng nghi ngờ, hoang mang, dao động trong việc lựa chọn, định hướng các giá trị tốt đẹp của nhân cách. Sự phối hợp gia đình, nhà trường, xã hội có thể diễn ra dưới nhiều hình thức. Vấn đề cơ bản hàng đầu là tất cả các lực lượng giáo dục phải phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động tạo ra những mối quan hệ phối hợp vì mục tiêu giáo dục đào tạo thế hệ trẻ thành những người công dân hữu ích cho đất nước. Vai trò của xã hội hóa giáo dục và xây dựng phát triển mối quan hệ các bên liên quan: Vai trò của giáo dục lớn tới mức, nó có thể ảnh hưởng đến sự tồn vong của cả một dân tộc. Vì sao vậy? Vì giáo dục là một trụ cột của một quốc gia để tạo dựng, giữ gìn và phát triển hệ giá trị xã hội. Nền giáo dục có tốt thì mới góp phần tạo dựng, bảo vệ được một hệ giá trị nhân bản, phù hợp với đặc trưng tốt đẹp của dân tộc và vì vậy đủ sức mạnh làm cho nền tảng xã hội phát triển, hưng thịnh, ngược lại, với nền giáo dục kém và hệ quả đi kèm với nó, hệ giá trị yếu thì dân tộc đó khó có sức bật đi lên. Đồng thời nó còn mang một nhiệm vụ đảm bảo sự tồn tại và phát triển hay cụ thể hơn là nó tạo cơ hội vào đời và tạo dựng cuộc sống của mỗi cá nhân trong xã hội. Xã hội hóa giáo dục thực chất là một quá trình huy động nguồn lực trong xã hội để phát triển sự nghiệp Giáo dục trong giai đoạn hiện nay. Tạo mọi điều kiện để người dân tham gia vào các hoạt động giáo dục. Xã hội hóa giáo dục không chỉ là những đóng góp vật

chất mà cả những ý kiến góp ý của người dân cho quá trình đổi mới giáo dục. Xã hội hóa giáo dục là cách tiếp cận mang tính dân chủ nhiều hơn. Trong quá trình toàn cầu hóa ngày nay, nhiều quốc gia phương Tây càng chú trọng phát triển giáo dục, coi đây như một nhiệm vụ quan trọng của nhà nước trong việc giữ gìn bản sắc dân tộc. Ở góc độ của người học xã hội hóa giáo dục nhằm tạo điều kiện để người đi học được tham gia vào việc quản lý của trường cũng như xây dựng chương trình học tập, giảng dạy. Xã hội hóa giáo dục nhìn từ phía thầy, cô giáo, nhà trường chính là nhằm mục tiêu đảm bảo quyền giảng dạy của thầy, cô giáo hơn nữa. Với quá trình xã hội hóa, từng trường, từng địa phương, từng đối tượng học sinh được quyền có chương trình cũng như cách thức giảng dạy riêng cho phù hợp. Còn dưới góc độ phụ huynh, xã hội hóa giáo dục nhằm đảm bảo cho họ quyền lựa chọn nơi học tập của con em. Có những gia đình giàu có, muốn con em của họ vào học những trường tốt hơn thì nhà nước tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, tổ chức mở những cơ sở giáo dục tiện nghi, chất lượng cao hơn để đáp ứng nhu cầu. Xã hội hóa giáo dục tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia vào giáo dục, sao cho nó đáp ứng tốt nhất nhu cầu của mọi thành viên trong xã hội, sao cho ai cũng được đến trường ai cũng có điều kiện hưởng cơ hội vào đời như nhau. Trong việc tổ chức kết hợp các lực lượng giáo dục, gia đình có vai trò tác động vô cùng quan trọng, là trọng tâm của các hoạt động kết hợp. Gia đình là nơi trẻ được sinh ra, lớn lên và hình thành nhân cách của mình. Ảnh hưởng giáo dục của gia đình đến với trẻ là đầu tiên sớm nhất. Giáo dục còn cái trong gia đình không phải chỉ là việc riêng tư của bố mẹ, mà còn là trách nhiệm đạo đức và nghĩa vụ công dân của những người làm cha mẹ. Tùy vào điều kiện kinh tế, đời sống của mỗi gia đình mà việc tiến hành giáo dục trong các giai đoạn phát triển của trẻ có các nội dung, hình thức, nhiệm vụ khác nhau. Để việc giáo dục gia đình có hiệu quả tốt, các bậc cha mẹ cần quan tâm xây dựng một gia đình đầy đủ toàn vẹn, trong đó mọi thành viên có nghĩa vụ và trách nhiệm với nhau. Xây dựng một phong cách sinh hoạt có nề nếp, phù hợp nhu cầu hứng thú nhằm phát huy những mặt tích cực của trẻ. Đặc biệt cha mẹ, người lớn phải giữ uy tín vai trò gương mẫu của mình trong gia đình và ngoài xã hội. Thường xuyên liên hệ chặt chẽ với nhà trường, đoàn thể để nắm được vai trò của việc giáo dục, có sự phối hợp chặt chẽ. Nhà trường có vai trò là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương, tổ chức việc phổ biến các tri thức khoa học kỹ thuật, văn hóa xã hội... đặc biệt là những kiến thức biện pháp giáo dục trẻ trong điều kiện xã hội phát

triển theo cơ chế thị trường đang rất phức tạp cho các bậc cha mẹ, giúp họ hiểu được đặc điểm trong đời sống, tâm sinh lý của trẻ hiện nay.

10.4. Liên hệ thực tiễn tại cơ sở giáo dục nơi đang công tác.

Để thống nhất và tập hợp được sức mạnh của toàn xã hội trong việc giáo dục thế hệ trẻ, nhà trường một mặt phải làm tốt việc giảng dạy giáo dục của toàn thể cán bộ giáo viên trong nhà trường. Mặt khác, phải phối hợp chặt chẽ với gia đình, với các tổ chức xã hội hướng vào một số công việc cụ thể sau đây:

- Đưa nội dung, mục tiêu giáo dục trong nhà trường vào các tổ chức xã hội trong địa phương như đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, câu lạc bộ những người cao tuổi... nhằm thống nhất định hướng tác động đối với quá trình hình thành và phát triển nhân cách của trẻ.
- Phát huy vai trò nhà trường là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương, tổ chức việc phổ biến các tri thức khoa học kỹ thuật, văn hóa xã hội... đặc biệt là những kiến thức biện pháp giáo dục trẻ trong điều kiện xã hội phát triển theo cơ chế thị trường đang rất phức tạp cho các bậc cha mẹ, giúp họ hiểu được đặc điểm trong đời sống, tâm sinh lý của trẻ hiện nay.

Toàn bộ công tác giáo dục thế hệ trẻ được xem xét và thực hiện như một bộ phận của quá trình xã hội tổng thể. Trong đó mỗi bộ phận trong cơ cấu xã hội (gia đình, nhà trường, các đoàn thể cơ quan văn hóa xã hội...) đều phải thực hiện tốt các chức năng giáo dục phù hợp với đặc điểm và sở trường của mình. Tất nhiên mỗi cơ quan đoàn thể xã hội đều có những chức năng đặc thù của mình, nhưng tập trung lại cũng chỉ để phục vụ đời sống vật chất và tinh thần của con người. Do đó, tự phát hay tự giác, trực tiếp hay gián tiếp các tổ chức đoàn thể đã tham gia đan kết vào nhau trong hoạt động giáo dục đối với mọi lứa tuổi. Đội TNTP là các tổ chức thu hút các em thường xuyên sinh hoạt với chức năng đặc biệt về giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, nhân sinh quan cho thế hệ tương lai. Các đoàn thể khác như Công đoàn, Chi cục dân số gia đình trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ... thông qua các hoạt động chính trị xã hội có thể đóng góp tích cực vào quá trình giáo dục phát triển nhân cách cho học sinh.

Tóm lại, việc phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội đối với việc chăm sóc giáo dục trẻ đã trở thành một trong những nguyên tắc cơ bản của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa. Sự phối hợp chặt chẽ ba môi trường giáo dục trên, trước là để đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức cũng như hoạt động giáo dục cùng một hướng, một mục đích, một tác động tổ hợp, đồng tâm tạo sức mạnh kích thích, thúc đẩy quá trình phát triển nhân cách của trẻ, tránh sự tách rời mâu thuẫn, vô hiệu hóa lẫn nhau gây cho các em tâm trạng nghi ngờ, hoang mang, dao động trong việc lựa chọn, định hướng các giá trị tốt đẹp của nhân cách..

III. KẾT LUẬN

Kết thúc khóa học bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Tiểu học hạng II, tôi thấy việc học tập và bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp ngoài việc nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phát triển năng lực nghề nghiệp, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao mà còn nghiên cứu chung toàn ngành về nhiệm vụ, tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thực tế, khả năng thăng tiến nghề nghiệp và định hướng phát triển đội ngũ nhà giáo trong tương lai. Vì vậy, với cương vị là một giáo viên bản thân luôn phải là người gương mẫu trong mọi hoạt động. Đặc biệt là quá trình tham gia bồi dưỡng, tự nghiên cứu học hỏi để đảm bảo đầy đủ các quy định chung của nhà nước. Ngoài ra bản thân còn có trách nhiệm tuyên truyền, triển khai tất cả các văn bản có liên quan đến toàn thể cán bộ, giáo viên một cách chính xác và kịp thời nhất. Đồng thời qua lớp bồi dưỡng này bản thân nhận thấy cần phải học tập nhiều hơn nữa thì mới có thể đáp ứng được yêu cầu hiện nay đối với ngành Giáo dục nói chung và bản thân nói riêng. Tuy nhiên do thời gian nghiên cứu chưa được nhiều, kinh nghiệm bản thân còn có hạn do đó dù đã cố gắng rất nhiều nhưng bài viết này chắc chắn còn những hạn chế, rất mong được sự đóng góp ý kiến của Quý thầy cô giáo để bài viết được hoàn chỉnh hơn.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Chư Sê đã tạo điều kiện mở lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Tiểu học hạng III tại huyện nhà để bản thân tôi được tham dự. Xin trân trọng cảm ơn quý thầy cô giáo trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên đã dành hết tâm

huyết truyền giảng lại nội dung kiến thức và kinh nghiệm quý báu cho chúng tôi được học hỏi, mở mang kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ để áp dụng vào cuộc sống./.

Xin trân trọng cảm ơn!

2. Bài thu hoạch giáo viên tiểu học hạng 3 số 2

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong lĩnh vực giáo dục phổ thông nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện tốt các nhiệm vụ của viên chức giảng dạy, đáp ứng các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giáo viên tiểu học hạng III. Đồng thời nhằm bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III và thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III. Với những lí do trên, được Phòng giáo dục và đào tạo Huyện Ứng Hòa tổ chức lớp học bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giáo viên 3 cấp: Mầm non, Tiểu học, THCS. Tôi đã đăng kí tham gia lớp học bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giáo viên tiểu học hạng III.

II. KHÁI QUÁT NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG

1. Khối lượng kiến thức:

Qua một thời gian ngắn dưới sự hướng dẫn của các giảng viên trường Đại học Thủ Đô, tôi đã được tìm hiểu 10 chuyên đề cơ bản, trong đó tập trung kiến thức chủ yếu về chính trị, về quản lí nhà nước và các kĩ năng chung gồm 4 chuyên đề; kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp chuyên ngành và đạo đức nghề nghiệp gồm 6 chuyên đề:

- Chuyên đề 1: LÍ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC.
- Chuyên đề 2: CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO.
- Chuyên đề 3: QUẢN LÍ GIÁO DỤC VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.

- Chuyên đề 4: GIÁO VIÊN VỚI CÔNG TÁC TƯ VẤN HỌC ĐƯỜNG TRƯỜNG TIỂU HỌC.
- Chuyên đề 5: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC.
- Chuyên đề 6: PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG III.
- Chuyên đề 7: DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC.
- Chuyên đề 8: THANH TRA, KIỂM TRA VÀ MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG TIỂU HỌC.
- Chuyên đề 9: SINH HOẠT TỔ CHUYÊN MÔN VÀ CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC.
- Chuyên đề 10: XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ TRONG VÀ NGOÀI NHÀ TRƯỜNG ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG TIỂU HỌC.

2. Nội dung chính của các chuyên đề đã học:

Chuyên đề 1: LÍ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC.

- Những kết quả thu nhận được:
 - + Về kiến thức: Đã biết được thế nào là hành chính nhà nước, chính sách công, kết hợp quản lí nhà nước theo ngành và lãnh thổ.
 - + Về kĩ năng: Nghiêm chỉnh chấp hành và thực thi các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước, của đơn vị công tác và các quy định khác.
- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Trong năm học 2017 – 2018 tôi được giao nhiệm vụ là giáo viên giảng dạy môn Âm nhạc. Sau khi học xong lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giáo viên tiểu học hạng III, tôi nhận thấy ở chuyên đề 1 giúp cho tôi hiểu hơn về quản lí nhà nước, về cách thức quản lí từ trung ương đến địa phương, qua đó nhắc nhở tôi cần chấp hành tốt hơn các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và nhà nước.

Tôi nhận thấy mình cần có trách nhiệm giáo dục tư tưởng đạo đức, lối sống cho các em học sinh thông qua mỗi tiết học để học sinh hiểu và chấp hành pháp luật đúng đắn.

- Những đề xuất: Trên tất cả các mặt của đời sống xã hội nhà nước ta cần nghiêm khắc thực thi quyền lực, thực hiện đúng hiệu quả cho lợi ích chung của cộng đồng.

Chuyên đề 2: CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO.

- Những kết quả thu nhận được:

+ Kiến thức: Nắm bắt xu thế phát triển giáo dục. Đường lối và các quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục. Chính sách và giải pháp phát triển giáo dục phổ thông trong thời kì CNH-HĐH- Toàn cầu hóa.

+ Kỹ năng: Chủ động lĩnh hội kiến thức, hoàn chỉnh và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Là giáo viên , tôi nhận thấy rõ tác dụng của việc biết được chiến lược, và chính sách phát triển giáo dục và đào tạo đó là tất cả trẻ em ở độ tuổi tiểu học đều được đến trường, đó là bình đẳng giới không chỉ cho các em học sinh mà qua đây tôi cũng nâng cao hơn quyền bình đẳng giới của mình nơi làm việc và tại địa phương, gia đình và xã hội.

Tôi luôn chủ động nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của mình. Trong giờ dạy cần đối xử công bằng với tất cả học sinh, dạy đúng môn học và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc. Truyền đạt cho học sinh ý thức tự lĩnh hội kiến thức, tự chủ động

trong các hoạt động học tập và trong xã hội, để có đủ năng lực và bản lĩnh thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của thế giới tránh nguy cơ xói mòn bản sắc dân tộc.

- Những đề xuất:

Cần thống nhất cách thức, chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học trong đổi mới ở tất cả cấp bậc.

Nội dung chương trình của các cấp học có sự nối tiếp logic và phát triển, tránh lặp lại nội dung của các cấp học dưới.

Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp bậc.

Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, công bằng.

Có sự liên hệ và phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Chú trọng phát triển tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả.

Chuyên đề 3: QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.

- Những kết quả thu nhận được:

+ Kiến thức: Nắm bắt cách thức quản lý của nhà nước và chính sách phát triển giáo dục trong cơ chế thị trường.

+ Kỹ năng: Thực hiện đúng hiệu quả cách thức quản lý và chính sách phát triển giáo dục trong cơ chế thị trường hiện nay.

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Trong bộ ngành chịu sự chỉ đạo theo hệ thống, người đứng đầu là Thủ tướng chính phủ sau đó là- Bộ GD&ĐT- Sở GD&ĐT- Phòng GD&ĐT- Hiệu trưởng- Tổ trưởng chuyên môn.

Trong công việc xác định rõ mục tiêu của giáo dục là phát triển đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách cho học sinh, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Trong công việc cần đẩy mạnh ứng dụng CNTT để cập nhật kịp thời với xu thế của thế giới.

- Những đề xuất:

Thực hiện dân chủ hóa, phân cấp quản lý, giao quyền tự chủ để phát huy tính chủ động sáng tạo.

Giao việc đúng người có năng lực, làm được.

Chức năng giám sát, kiểm tra, quản lý cần công khai, công bằng và minh bạch.

Nội dung giáo dục phù hợp với đối tượng và thời lượng dạy học.

Chuyên đề 4: GIÁO VIÊN VỚI CÔNG TÁC TƯ VẤN HỌC ĐƯỜNG TRƯỜNG TIỂU HỌC.

- Những kết quả thu nhận được:

+ Kiến thức: Nắm bắt vị trí và đặc điểm tâm lý, các hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ của học sinh tiểu học. Tham vấn học đường tạo động lực, phòng ngừa và khắc phục các vấn đề trong học đường.

+ Kỹ năng: Tạo sự tin tưởng tới học sinh, trợ giúp học sinh, cha mẹ học sinh và nhà trường giải quyết khó khăn về mặt tâm – sinh lý, định hướng học tập, giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh.

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Đối với nghề giáo viên việc nắm bắt tâm lý trẻ là một điều hết sức cần thiết và có hiệu quả to lớn trong việc áp dụng các phương pháp giảng dạy cho từng tiết học, từng môn học.

Xác định rõ mục tiêu môn Âm nhạc là tạo cho học sinh có được tâm lí thoải mái, thư giãn sau những giờ học căng thẳng. Đồng thời tạo cho học sinh các kĩ năng như tự tin trước đám đông, mạnh dạn thể hiện năng khiếu của mình, cách hoạt động nhóm... Mặt khác nắm bắt tâm lí học sinh tiểu học đặc biệt là vùng nông thôn còn nhút nhát, rụt rè vì thế trong mỗi tiết học tôi thường kết hợp các hoạt động biểu diễn cá nhân, nhóm, các hình thức chia sẻ giữa các học sinh để các em mạnh dạn hơn, hiểu nhau hơn, yêu quý và đoàn kết với nhau hơn nữa.

Qua mỗi bài học tôi luôn cố gắng giáo dục học sinh, liên hệ với cuộc sống hàng ngày để các em thấy tác dụng và yêu thích môn học hơn.

Trong trường phát triển phong trào văn hóa văn nghệ tạo sân chơi cho học sinh, giáo viên qua đó tăng thêm kĩ năng hoạt động nhóm và tình đoàn kết giữa mọi người trong trường.

- Những đề xuất:

Mỗi trường cần có một phòng tư vấn tâm lí học đường.

Nên phát triển rộng tư vấn tâm lí học đường.

Chuyên đề 5: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC.

- Những kết quả thu nhận được:

+ Kiến thức: Nắm bắt cách thức tổ chức hoạt động dạy học, xây dựng và phát triển kế hoạch giáo dục ở trường tiểu học. Một số quan điểm, cách tiếp cận, xu thế quốc tế trong phát triển giáo dục. Nguyên tắc, quy trình phát triển kế hoạch giáo dục ở trường tiểu học.

+ Kĩ năng: Có trách nhiệm thực hiện tốt phần chương trình và kế hoạch giáo dục của mình.

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Theo kế hoạch giáo dục của nhà trường, đầu năm tôi được nhà trường phân công làm giáo viên giảng dạy môn âm nhạc. Đầu năm học dựa vào những điểm mạnh, điểm yếu, của bản thân và nhà trường, các điều kiện, cơ hội cũng như thách thức tại trường và địa phương tôi đã xây dựng cho mình bản kế hoạch cá nhân để xác định được mục tiêu, phương pháp làm việc của bản thân phải làm trong năm học này.

Trong giờ học tôi thường xuyên vận dụng các hình thức hoạt động dạy học khác nhau nhằm phát triển tối đa năng lực của mỗi cá nhân và phát hiện ra các nhóm năng lực khác nhau .

- Những đề xuất:

Mục thi Giáo viên giỏi và sáng kiến kinh nghiệm chỉ nên khuyến khích chứ không nên bắt buộc và không nên là tiêu chí đánh giá, xếp loại thi đua của giáo viên và nhà trường.

Chuyên đề 6: PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG III.

- Những kết quả thu nhận được:

+ Kiến thức: Xác định yêu cầu năng lực giáo viên thế kỉ XXI.

+ Kỹ năng: Vận dụng năng lực, phẩm chất vào các lĩnh vực chuyên môn tại trường và các hoạt động xã hội khác..

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Nhận thức tư tưởng chính trị với trách nhiệm của một công dân, một nhà giáo đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Chấp hành pháp luật, chính sách của nhà nước.

Chấp hành quy chế của ngành, quy định của trường, kỉ luật lao động.

Đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo; tinh thần đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực; ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp; sự tín nhiệm của đồng nghiệp, HS và cộng đồng.

Trung thực trong công tác; đoàn kết trong quan hệ đồng nghiệp; phục vụ nhân dân và HS.

Vận dụng các kiến thức cơ bản, nắm vững mục tiêu, nội dung cơ bản của chương trình, SGK của các môn được phân công.

Có kiến thức chuyên sâu hơn để có khả năng hệ thống hóa chương trình và hướng dẫn đồng nghiệp hoặc bồi dưỡng HS giỏi, giúp đỡ các HS yếu, còn nhiều hạn chế trở nên tiến bộ.

Vận dụng kiến thức tâm lý sư phạm và tâm lý lứa tuổi, giáo dục học tiểu học vào trong môn học để nâng cao hiệu quả giờ dạy.

Soạn được các đề kiểm tra và đánh giá được kết quả học tập rèn luyện của HS theo hướng đổi mới.

Tích cực bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức phổ thông về chính trị, xã hội và nhân văn, kiến thức về ứng dụng CNTT, ngoại ngữ, tiếng dân tộc.

Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và các nghị quyết của địa phương nơi mình công tác.

Lập được kế hoạch dạy học; biết cách soạn giáo án theo hướng đổi mới.

Trên lớp tổ chức và thực hiện các hoạt động phát huy tính năng động sáng tạo của học sinh.

Kết hợp với giáo viên chủ nhiệm, Tổng phụ trách tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho HS, VD: Trung thu, thi văn nghệ 20/11,

Thường xuyên có thông tin và trao đổi góp ý với HS về tình hình học tập và rèn luyện để có giải pháp cải tiến sau từng học kỳ.

Tham gia dự giờ đồng nghiệp, sinh hoạt chuyên môn cụm theo phân môn Âm nhạc mình đảm nhận; sinh hoạt tổ chuyên môn ở trường đúng quy định, xây dựng tổ, khối đoàn kết vững mạnh.

Lập, sắp xếp, lưu trữ khoa học các hồ sơ cá nhân cũng như các thông tin của học sinh liên quan tới môn học mà mình đảm nhận.

Đăng kí thực hiện sáng kiến kinh nghiệm vào thực tế giảng dạy và giáo dục HS tiểu học, có ứng dụng CNTT.

- Những đề xuất:

Nhà trường cần xây dựng nội quy, quy chế của trường học sát với thực tế trường mình.

Sinh hoạt tổ chuyên môn cần hiệu quả và chất lượng, tránh hình thức.

Cần có các hoạt động kết hợp hoạt động của Giáo viên – học sinh – phụ huynh tạo sự gắn kết giữa gia đình, nhà trường, thầy cô và học sinh- phụ huynh.

Chuyên đề 7: DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC.

- Những kết quả thu nhận được:

+ Kiến thức: Xác định hướng phát triển năng lực ở trường Tiểu học.

+ Kỹ năng: Là người tổ chức, hỗ trợ HS chiếm lĩnh tri thức; chú trọng phát triển khả năng giải quyết vấn đề của HS.

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Đối với bộ môn Âm nhạc mà tôi đảm nhiệm tôi nhận thấy rằng để phát triển năng lực cho HS Tiểu học thì cần phải tạo mối quan hệ tốt với HS, tạo cho các em tâm trạng thoải mái nhất khi giao tiếp với thầy cô giáo.

Cần tạo dựng lớp học như một cộng đồng học tập đoàn kết, thân thiện và sẵn sàng chia sẻ.

Bên cạnh đó giữa GV- nhà trường – phụ huynh – cộng đồng cần có sự kết hợp nhằm khuyến khích, giúp đỡ các em tự học, trải nghiệm, tạo điều kiện cho các em áp dụng kiến thức kĩ năng vào thực tiễn.

Điều quan trọng giáo viên phải xác định mục tiêu của bài học: Các kiến thức, kĩ năng, thái độ, những năng lực mà HS cần đạt được thông qua các bài học.

Quyết định lựa chọn nội dung bài học, xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập hướng dẫn HS học tập để đạt mục tiêu đã xác định.

Đánh giá quá trình và kết quả học tập của HS; hướng dẫn và tổ chức cho HS đánh giá và tự đánh giá; sử dụng kết quả vào việc tác động lại quá trình đào tạo.

Tích cực áp dụng một số PPDH phát triển năng lực của HS như: Dạy học giải quyết vấn đề, Dạy học thông qua hoạt động trải nghiệm, Dạy học kiến tạo...

- Những đề xuất:

Với bộ môn Âm nhạc cần kết hợp các tiết học lồng ghép những kĩ năng đã học của học sinh như: Thuyết trình, biểu diễn cá nhân, nhóm, sáng tác...

Giảm một số tiết học ôn tập thay bằng các hoạt động trải nghiệm như: Xây dựng một chương trình biểu diễn văn nghệ quy mô lớp, ...

Chuyên đề 8: THANH TRA, KIỂM TRA VÀ MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG TIỂU HỌC.

- Những kết quả thu nhận được:

+ Kiến thức: Nắm bắt kiến thức về thanh tra và kiểm tra trong hoạt động chuyên môn đảm bảo chất lượng ở trường tiểu học.

+ Kĩ năng: Phân biệt rõ thanh tra và kiểm tra trong hoạt động chuyên môn đảm bảo chất lượng ở trường tiểu học.

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Là GV nói chung tôi xác định rõ mục tiêu, kế hoạch ngày từ đầu năm học, vì vậy tôi cố gắng phát triển một số vấn đề như:

- + Kế hoạch, nội dung, phương pháp, biện pháp thực hiện nhiệm vụ được giao.
- + Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống luôn chấp hành chính sách, pháp luật của nhà nước; chấp hành quy chế của ngành, quy định của cơ quan, đơn vị; đảm bảo số lượng, chất lượng ngày- giờ công lao động.
- + Đạo đức, nhân cách, lối sống, ý thức đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực; sự tín nhiệm trong đồng nghiệp, HS và nhân dân; tinh thần đoàn kết; tính trung thực trong công tác; quan hệ đồng nghiệp; thái độ phục vụ nhân dân và HS.
- + Thực hiện quy chế chuyên môn; dự giờ lên lớp; kết quả giảng dạy; thực hiện nhiệm vụ khác được giao.
- + Tăng cường bồi dưỡng nâng cao trình độ đáp ứng quy định về chuẩn nghề nghiệp của GV.

- Những đề xuất:

Công tác thanh tra, kiểm tra nên từ tập trung chủ yếu về chuyên môn sang thanh tra quản lí.

Thanh tra, kiểm tra cần minh bạch và công bằng.

Chuyên đề 9: SINH HOẠT TỔ CHUYÊN MÔN VÀ CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC.

- Những kết quả thu nhận được:

- + Kiến thức: Xác định được vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của tổ chuyên môn.
- + Kỹ năng: Xây dựng các bước cơ bản trong sinh hoạt chuyên môn .

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Trước các buổi sinh hoạt chuyên môn tôi thường nghiên cứu kĩ tài liệu liên quan đến chuyên môn cần thiết để liệt kê danh sách dự kiến những nội dung, vấn đề, khó khăn, trở ngại, cách giải quyết những vấn đề trong nội dung sinh hoạt.

Môn Âm nhạc chúng tôi được sinh hoạt chuyên môn cấp cụm vì vậy ngoài việc nghiên cứu tài liệu, đưa ra các ý kiến, tôi còn chia sẻ kinh nghiệm tự học, tự tìm hiểu, xây dựng tài liệu chuyên môn.

Ngoài đưa ra các ý kiến để cùng nhau trao đổi cụm sinh hoạt chuyên môn môn Âm nhạc con tổ chức dự giờ, thông qua việc quan sát hoạt động dạy học của đồng nghiệp cùng nhau trao đổi về tính hợp lý hoặc những bất cập cần trao đổi thêm khi giảng dạy trong thực tế.

Ngoài sinh hoạt chuyên môn về môn học, là đặc thù bộ môn nghệ thuật vì vậy chúng tôi cũng trao đổi thêm kinh nghiệm làm sao để BGH, GV, PHHS quan tâm, tạo điều kiện, phối hợp với giáo viên bộ môn để nâng cao chất lượng học tập và rèn luyện của HS trong trường Tiểu học.

- Những đề xuất:

Tổ chuyên môn ở trường nói chung và cụm chuyên môn Âm nhạc nói riêng cần khuyến khích tạo điều kiện để GV tự học, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng vào hoạt động giảng dạy và giáo dục thực tiễn, đồng thời nhân rộng các mô hình, các nghiên cứu có tính ứng dụng thực tiễn.

Chuyên đề 10: XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ TRONG VÀ NGOÀI NHÀ TRƯỜNG ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG TIỂU HỌC.

- Những kết quả thu nhận được:

+ Kiến thức: Hiểu biết về công tác xã hội hóa giáo dục, xây dựng một xã hội học tập, phát triển mối quan hệ giữa nhà trường với các bên liên quan.

+ Kỹ năng: Xác định rõ tư tưởng về công tác xã hội hóa giáo dục, xây dựng một xã hội học tập, phát triển mối quan hệ giữa nhà trường với các bên liên quan.

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Tích cực tham gia công tác xã hội hóa ở trường và địa phương.

Tạo điều kiện cho HS có cơ hội học tập và tham gia các hoạt động học tập ở trường, lớp và địa phương.

Ủng hộ khả năng tự học, tự bồi dưỡng tích lũy tri thức của học sinh, GV, những cá nhân trong cộng đồng.

Tôn trọng học sinh, đồng nghiệp, những cá nhân có mong muốn học tập, chia sẻ kiến thức với mọi người, giúp đỡ những cá nhân không có điều kiện được tiếp cận với kiến thức.

Trong giờ học tích cực tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm giáo dục đạo đức, cũng như trách nhiệm công dân cho HS.

- Những đề xuất:

Tích cực tham gia công tác xã hội hóa ở trường và địa phương.

Tạo điều kiện cho HS có cơ hội học tập và tham gia các hoạt động học tập ở trường, lớp và địa phương.

Ủng hộ khả năng tự học, tự bồi dưỡng tích lũy tri thức của học sinh, GV, những cá nhân trong cộng đồng.

Tôn trọng học sinh, đồng nghiệp, những cá nhân có mong muốn học tập, chia sẻ kiến thức với mọi người, giúp đỡ những cá nhân không có điều kiện được tiếp cận với kiến thức.

Trong giờ học tích cực tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm giáo dục đạo đức, cũng như trách nhiệm công dân cho HS.

* Trên đây là 10 chuyên đề mà tôi đã rút ra được trong quá trình học tập, rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô giáo để tôi có thêm những kinh nghiệm và bài học quý báu cho bản thân.

.....ngày tháng ... năm 20...

Người viết

Mời các bạn tham khảo thêm:

- [Bài thu hoạch Nghị quyết Trung Ương 8 khóa XII của Đảng viên - Giáo viên](#)
- [Bài thu hoạch học tập nghị quyết đại hội công đoàn lần thứ 12](#)
- [Bài thu hoạch nghị quyết TW 8 khóa 12 cho cán bộ chủ chốt](#)

3. Bài thu hoạch nâng hạng giáo viên tiểu học hạng 3 số 3

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Qua quá trình tập huấn được học tập và nghiên cứu cũng như sự hướng dẫn, truyền đạt của các thầy, cô giáo phụ trách giảng dạy Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học ở hạng III, tôi nắm bắt được các nội dung như sau:

Nắm bắt xu hướng phát triển của giáo dục, tinh thần đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, các mô hình trường học mới. Những mặt được và mặt hạn chế của các mô hình trường học đó. Vận dụng sáng tạo và đánh giá được việc vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học của bản thân và đồng nghiệp. Chủ động, tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao chất lượng giáo dục học sinh tiểu học.

Nắm vững và vận dụng tốt chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học; chủ động tuyên truyền và vận động đồng nghiệp cùng thực hiện tốt chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về giáo dục nói chung và giáo dục tiểu học nói riêng. Hiểu rõ chương trình và kế hoạch giáo dục tiểu học; hướng dẫn được đồng nghiệp cùng thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục tiểu học.

1. KHÁI QUÁT NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG

2. Khối lượng kiến thức:

Qua một thời gian ngắn dưới sự hướng dẫn của các giảng viên trường ĐH sư phạm Hà Nội tôi đã được tìm hiểu 10 chuyên đề cơ bản, trong đó tập trung kiến thức chủ yếu về chính trị, về quản lí nhà nước và các kĩ năng chung gồm 4 chuyên đề; kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp chuyên ngành và đạo đức nghề nghiệp gồm 6 chuyên đề:

1. Nội dung chính của các chuyên đề đã học:

- **Chuyên đề 1:** LÍ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ HÀNH CHÍNH NHÀ

NƯỚC.

- **Chuyên đề 2:** CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO.

- **Chuyên đề 3:** QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.

- **Chuyên đề 4:** GIÁO VIÊN VỚI CÔNG TÁC TƯ VẤN HỌC ĐƯỜNG TRƯỜNG TIỂU HỌC.

- **Chuyên đề 5:** TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC.

- **Chuyên đề 6:** PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG III.

- **Chuyên đề 7:** DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC.

- **Chuyên đề 8:** THANH TRA, KIỂM TRA VÀ MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG TIỂU HỌC.

- **Chuyên đề 9:** SINH HOẠT TỔ CHUYÊN MÔN VÀ CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC.

- **Chuyên đề 10: XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ TRONG VÀ NGOÀI NHÀ TRƯỜNG ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG TIỂU HỌC.**

1. Nội dung chính của các chuyên đề đã học:

Chuyên đề 1: LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC.

- Những kết quả thu nhận được:

+ Về kiến thức: Đã biết được thế nào là hành chính nhà nước, chính sách công, kết hợp quản lý nhà nước theo ngành và lãnh thổ.

+ Về kỹ năng: Nghiêm chỉnh chấp hành và thực thi các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước, của đơn vị công tác và các quy định khác.

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Trong năm học 2017 - 2018 tôi được phân công nhiệm vụ là giáo viên trực tiếp giảng dạy cấp Tiểu học tại nhà trường. Sau khi học xong lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giáo viên tiểu học hạng III, tôi nhận thấy ở chuyên đề 1 giúp cho tôi hiểu hơn về quản lý nhà nước, về cách thức quản lý từ trung ương đến địa phương, qua đó nhắc nhở tôi cần chấp hành tốt hơn các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và nhà nước.

Chuyên đề 2: CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO

** Giáo dục Việt Nam trong bối cảnh toàn Cầu hoá*

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, làm nền tảng cho sự phát triển kinh tế tri thức. Sự phát triển của khoa học công nghệ đã làm thay đổi mạnh mẽ nội dung, phương pháp giáo dục trong các nhà trường; đồng thời đòi hỏi phải cung cấp được nguồn nhân lực có trình độ cao.

Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế vừa là quá trình hợp tác để phát triển vừa là quá trình đấu tranh của các nước đang phát triển để bảo vệ quyền lợi quốc gia. Cạnh tranh kinh tế giữa các quốc gia ngày càng trở nên quyết liệt, đòi hỏi các nước phải đổi mới

công nghệ để tăng năng suất lao động, *đặt ra vị trí mới của giáo dục*. Các nước đều xem phát triển giáo dục là nhiệm vụ trọng tâm của chiến lược phát triển kinh tế xã hội, dành cho giáo dục những đầu tư ưu tiên, đẩy mạnh cải cách giáo dục nhằm dành ưu thế cạnh tranh trên trường quốc tế. Quá trình toàn cầu hoá cũng chứa đựng những nguy cơ chảy máu chất xám ở các nước đang phát triển khi mà các nhân lực ưu tú có nhiều khả năng bị thu hút sang các nước giàu có.

Giáo dục trong thế kỉ XXI phải thực hiện được sứ mệnh nhân văn hoá quá trình toàn cầu hoá, biến toàn cầu hoá thành điều có ý nghĩa đối với từng con người, với tất cả các quốc gia.

Giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị nguồn nhân lực có chất lượng của mỗi đất nước và tạo cơ hội học tập cho mỗi người dân. *Giáo dục* suốt đời trở thành đòi hỏi và cam kết của mỗi quốc gia.

Hệ thống giáo dục, chương trình và phương pháp giáo dục của các quốc gia tiếp tục được thay đổi nhằm xoá bỏ những ngăn cách trong các nhà trường, cung cấp các tri thức hiện đại, đáp ứng được yêu cầu mới phát sinh của nền kinh tế.

Thời đại cũng đang chứng kiến vị thế nổi bật của *giáo dục đại học*. Hầu hết các trường đại học trên thế giới đang tiến hành những cải cách toàn diện để trở thành những trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, sản xuất, chuyển giao công nghệ và xuất khẩu tri thức.

Công nghệ thông tin và truyền thông được ứng dụng trên quy mô rộng lớn ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt trong giáo dục. Với việc kết nối mạng, các công nghệ, tri thức không chỉ tồn tại ở các địa điểm xa xôi, cách trở hoặc khó tiếp cận hoặc chỉ giới hạn với một số ít người.

Giáo dục từ xa đã trở thành một thế mạnh của thời đại, tạo nên một nền giáo dục mở, phi khoảng cách, thích ứng với nhu cầu của từng người học. Đây là hình thức giáo dục ở mọi lúc, mọi nơi và cho mọi người, trở thành giải pháp hiệu quả nhất để đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao về giáo dục.

Sự phát triển của các phương tiện truyền thông, mạng viễn thông, công nghệ tin học tạo thuận lợi cho giao lưu và hội nhập văn hoá, nhưng cũng tạo điều kiện cho sự du nhập những giá trị xa lạ ở mỗi quốc gia. Đang diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt để bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc, ngăn chặn những yếu tố ảnh hưởng đến an ninh của mỗi nước.

** Những thuận lợi và khó khăn của giáo dục nước ta trong bối cảnh toàn cầu hoá*

Thuận lợi

- Đảng và Nhà nước luôn khẳng định phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển; giáo dục vừa là mục tiêu vừa là động lực để phát triển kinh tế - xã hội. Những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội trong 10 năm vừa qua và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 với yêu cầu tái cơ cấu nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, cùng với Chiến lược và Quy hoạch phát triển nhân lực trong thời kì cơ cấu dân số vàng là tiền đề cơ bản để ngành giáo dục cùng các Bộ, ngành, địa phương phát triển giáo dục.
- Cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi để đổi mới cơ bản nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, đổi mới quản lí giáo dục, tiến tới một nền giáo dục điện tử đáp ứng nhu cầu của từng cá nhân người học.
- Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo cơ hội thuận lợi để tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục hiện đại, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, tạo thời cơ để phát triển giáo dục.

Khó khăn

- Ở trong nước, sự phân hoá trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm dân cư, khoảng cách phát triển giữa các vùng miền ngày càng rõ rệt, gây nguy cơ dẫn đến sự thiếu bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, gia tăng khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa các vùng miền và giữa các đối tượng người học.

- Nhu cầu phát triển nhanh giáo dục đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển kinh tế theo chiều sâu tri thức với

công nghệ tiên tiến và hội nhập quốc tế, trong khi đó nguồn lực đầu tư cho giáo dục là có hạn, sẽ tạo sức ép đối với phát triển giáo dục.

** Xu thế phát triển giáo dục của các nước trong khu vực và trên thế giới*

- Các vấn đề nổi cộm của giáo dục đại học Brunei:

- + Đất hẹp, dân số ít, tỉ lệ sinh thấp ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân lực.
- + Làm thế nào để kết hợp được trong đào tạo giữa yêu cầu của xã hội theo định hướng khoa học công nghệ với việc đảm bảo duy trì các giá trị đạo Hồi.

Các chính sách:

- + Thực hiện giáo dục bắt buộc 12 năm.
- + Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục.
- + Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên thông qua đào tạo tại chức và tuyển chọn học sinh xuất sắc vào nghề giáo viên.
- + Mở rộng và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy.
- + Cải tiến quản lý giáo dục, thực hiện tư nhân hoá và hợp tác hoá các cơ sở giáo dục.
- + Chính sách định hướng vào đáp ứng nhu cầu học tập.
- + Thực hiện cải cách quản lý giáo dục, khuyến khích phân cấp quản lý cho địa phương.
- + Phát triển đội ngũ giáo viên. Triển khai hệ thống cấp giấy phép hành nghề giáo viên và thực hiện Luật về lương giáo viên.
- + Khuyến khích khu vực giáo dục tư nhân phát triển: các cơ sở giáo dục tư thực sẽ được độc lập trên phương diện hành chính và quản lý, được nhận tài trợ của nhà nước và được giảm thuế.

- + Khuyến khích thành lập các trung tâm giáo dục suốt đời dưới mọi hình thức khác nhau. Huy động sự tham gia của gia đình và xã hội vào thiết kế quá trình giáo dục.
- + Cải cách nội dung chương trình đào tạo, trong đó không chỉ tập trung vào các môn học như toán, khoa học và công nghệ, mà còn chú ý đến các môn học về lịch sử, nguồn gốc của xã hội Thái Lan...
- + Cải cách phân bổ nguồn lực theo hướng bình đẳng, công bằng và tự chịu trách nhiệm, đồng thời chính quyền các cấp phải triển khai xã hội hoá

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Là giáo viên tôi nhận thấy rõ tác dụng của việc biết được chiến lược, và chính sách phát triển giáo dục và đào tạo đó là tất cả trẻ em ở độ tuổi tiểu học đều được đến trường, đó là bình đẳng giới không chỉ cho các em học sinh mà qua đây tôi cũng nâng cao hơn quyền bình đẳng giới của mình nơi làm việc và tại địa phương, gia đình và xã hội.

Đối với nhiệm vụ của tôi được phân công, tôi cần chủ động nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của mình. Trong nhiệm vụ cần đối xử công bằng với tất cả học sinh, làm đúng theo chức năng và nhiệm vụ của mình, giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc. Truyền đạt cho học sinh ý thức tự lĩnh hội kiến thức, tự chủ động trong các hoạt động học tập và trong xã hội, để có đủ năng lực và bản lĩnh thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của thế giới tránh nguy cơ xói mòn bản sắc dân tộc.

Chuyên đề 3: QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.

Các chính sách phát triển giáo dục:

**** Chính sách phổ cập giáo dục***

Phổ cập giáo dục nhằm tạo nền tảng dân trí vững chắc để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần thực hiện thành công một trong ba khâu đột phá trong Chiến lược phát triển lãnh thổ - xã hội giai đoạn 2011 - 2020.

- Mục tiêu tổng quát của phổ cập giáo dục: Nâng cao trình độ dân trí một cách toàn diện. Thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và trang học cơ sở với chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, tiến tới phổ cập giáo dục trang học ở những nơi có điều kiện; cơ bản xoá mù chữ và ngăn chặn tái mù chữ ở người lớn; đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau trang học cơ sở đi đôi với phát triển mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và giáo dục phổ thông gắn với dạy nghề nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đất nước.

- Mục tiêu cụ thể của phổ cập giáo dục: Năm 2020, huy động được 99,7% trẻ 6 tuổi vào học lớp 1, tỉ lệ lưu ban và bỏ học ở tiểu học dưới 0,5%. 100% đơn vị cấp tỉnh, 100% đơn vị cấp huyện và 99,5% đơn vị cấp xã phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi theo quy định của Chính phủ. Tỉ lệ trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 99,8%; tỉ lệ lưu ban và bỏ học ở bậc trang học cơ sở dưới 1%; phần đầu có ít nhất 30% học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở đi học nghề, xoá mù chữ cho 1 triệu người từ 36 tuổi đến hết tuổi lao động,

** Chính sách xã hội hoá và huy động các lực lượng xã hội tham gia vào quá trình giáo dục*

Xã hội hoá giáo dục là quá trình mà cả cộng đồng và xã hội cùng tham gia vào giáo dục. Trong đó, mọi tổ chức, gia đình và công dân có trách nhiệm chăm lo sự nghiệp giáo dục, phối hợp với nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh và an toàn..

Quan điểm xã hội giáo dục đã được thể hiện và thể chế hoá trong Luật Giáo dục 2005 ở Điều 12 - về xã hội hoá sự nghiệp giáo dục: Xã hội hoá giáo dục nhằm “huy động toàn bộ xã hội làm giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân góp sức xây dựng nền giáo dục quốc dân dưới sự quản lí của Nhà nước”.

Về nội dung xã hội hoá giáo dục ở nhà trường tiểu học

- Thứ nhất, là huy động toàn xã hội cùng tham gia thực hiện mục tiêu, nội dung giáo dục

- Thứ hai là, huy động toàn xã hội tham gia xây dựng môi trường tốt nhất cho giáo dục
- Thứ ba, là huy động toàn xã hội đầu tư các nguồn lực cho giáo dục.

Thứ tư, là xây dựng, mở rộng hệ thống trường, lớp và đa dạng hoá các loại hình trường, lớp.

- *Vai trò của xã hội hoá giáo dục trong giai đoạn hiện nay* -Xã hội hoá giáo dục góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

-Xã hội hoá giáo dục sẽ huy động được các nguồn lực và khắc phục những khó khăn của quá trình phát triển giáo dục.

-Xã hội hoá giáo dục sẽ tạo ra sự công bằng, dân chủ trong hưởng thụ và trách nhiệm xây dựng giáo dục.

-Xã hội hoá giáo dục sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lí nhà nước, phát huy truyền thống giáo dục của dân tộc.

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Trong công việc xác định rõ mục tiêu của giáo dục là phát triển đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kĩ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách cho học sinh, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Trong việc giảng dạy cần sáng tạo ứng dụng CNTT bài học để cập nhật kịp thời với xu thế của thế giới.

Chuyên đề 4: GIÁO VIÊN VỚI CÔNG TÁC TƯ VẤN HỌC ĐƯỜNG TRƯỜNG TIỂU HỌC.

- Những kết quả thu nhận được:

Mục tiêu của hoạt động tư vấn học đường

Hoạt động hỗ trợ tâm lí học đường trong trường học trên thế giới tập trung vào ba mảng nội dung: phòng ngừa, phát hiện sớm, can thiệp; với 03 cấp độ hoạt động. Đây

cũng là xu hướng chính trong hoạt động tư vấn học đường tại nhiều trường phổ thông hiện nay ở nước ta.

Một số nội dung tư vấn học đường trong trường tiểu học

Căn cứ vào những khó khăn tâm lý mà học sinh tiểu học thường gặp phải có thể xác định một số nội dung tư vấn học đường trong tiểu học như sau:

- *Đối với học sinh*, tư vấn học đường tập trung vào các chương trình nâng cao năng lực xã hội cho học sinh: Kỹ năng thích ứng với môi trường học đường; Kỹ năng giao tiếp; Kỷ luật lớp học; Kỹ năng phòng tránh xâm hại tình dục trẻ em... Đối với nhóm học sinh nằm trong nhóm can thiệp 2 và can thiệp 3 (15 - 20%) thì tùy theo vấn đề của học sinh mà giáo viên có những kế hoạch và chương trình phù hợp với từng em nhằm tác động đến cả ba lĩnh vực nhận thức, thái độ và hành vi của các em.

Đối với phụ huynh, tư vấn học đường tập trung vào các chương trình nâng cao năng lực của các bậc cha mẹ: Kỹ năng giúp con thích ứng với môi trường học đường; Làm bạn cùng con; Kỷ luật tích cực; Kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục trẻ em... Đối với nhóm phụ huynh có con nằm trong nhóm can thiệp 2 và nhóm can thiệp 3 (15 - 20%) thì tùy theo vấn đề của học sinh mà giáo viên có những kế hoạch và chương trình phù hợp với các phụ huynh nhằm phối kết hợp hiệu quả trong việc hỗ trợ tâm lý cho các em.

- *Đối với giáo viên*: Tâm sinh lý lứa tuổi; Kỷ luật tích cực; Đồng hành cùng học sinh; Kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục trẻ em... là những nội dung cần thiết nhằm giúp giáo viên có những phương pháp làm việc phù hợp với học sinh, phụ huynh, đặc biệt là sự kết nối giữa các lực lượng giáo dục trong việc xây dựng môi trường học đường an toàn, thân thiện và bình đẳng cho học sinh.

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

- Phải hiểu được đặc điểm tâm lý của trẻ, hiểu biết được mức độ cảm nhận của học sinh về thế giới xung quanh thông qua các bài học.

Luôn luôn tôn trọng gần gũi học sinh.

Xác định rõ mục tiêu dạy học là tạo cho học sinh có được tâm lí thoải mái, thư giãn sau những giờ học căng thẳng. Đồng thời tạo cho học sinh các kĩ năng như tự tin trước đám đông, mạnh dạn thể hiện năng khiếu của mình, cách hoạt động nhóm... Mặt khác nắm bắt tâm lí học sinh tiểu học đặc biệt là vùng nông thôn còn nhút nhát, rụt rè vì thế trong mỗi tiết học, hoặc trong các hoạt động tập thể của nhà trường, tôi thường kết hợp các hoạt động biểu diễn cá nhân, nhóm, các hình thức chia sẻ giữa các học sinh để các em mạnh dạn hơn, hiểu nhau hơn, yêu quý và đoàn kết với nhau hơn nữa.

Qua mỗi bài học tôi luôn cố gắng giáo dục học sinh, liên hệ với cuộc sống

hàng ngày để các em thấy tác dụng và yêu thích các môn học hơn.

Trong trường phát triển phong trào văn hóa văn nghệ tạo sân chơi cho học sinh, giáo viên qua đó tăng thêm kĩ năng hoạt động nhóm và tình đoàn kết giữa mọi người trong trường.

Chuyên đề 5: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC.

*** Sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học**

Phần lớn các giáo viên ngại sử dụng giáo án điện tử trong giảng dạy vì cho rằng sẽ tốn thời gian để chuẩn bị bài giảng. Để tạo được những hình ảnh đẹp, sống động trên các phần mềm đòi hỏi phải mất nhiều thời gian chuẩn bị.

Khi sử dụng giáo án điện tử, giáo viên phải mất thời gian tìm hình ảnh minh họa, âm thanh, tư liệu dẫn chứng phù hợp với nội dung bài giảng... Khi sử dụng giáo án điện tử ngoài những kiến thức cơ bản về vi tính, sử dụng thành thạo các phần mềm, giáo viên cần phải có tính sáng tạo, tính thẩm mỹ và sự nhạy bén để tìm kiếm tư liệu phục vụ cho bài dạy. Để thiết kế được một giáo án điện tử phục vụ cho tiết dạy, người giáo viên cần có những kiến thức cơ bản như:

- Biết sử dụng máy vi tính: Có biết cách sử dụng máy vi tính thì giáo viên mới có thể mở máy, tắt máy, chọn những chương trình làm việc thích hợp với nhu cầu của mình. Biết cách sao chép, lưu trữ, tìm kiếm tài liệu...
- Biết sử dụng phần mềm dạy học.

Biết truy cập Internet: Khi sử dụng giáo án điện tử, bài dạy sinh động hơn so với cách dạy thông thường. Ngoài ra, giáo viên còn có thể làm cho bài dạy của mình thêm phong phú.

Biết cách sử dụng máy chiếu (Projector). Bài giảng sau khi thiết kế sẽ được trình chiếu lên màn hình thông qua máy chiếu. Sử dụng thành thạo máy chiếu là một trong những yêu cầu bắt buộc đối với giáo viên, chỉ cần một vài thao tác lắp máy chiếu với CPU của máy tính và điều chỉnh độ lớn, độ nét trên màn hình giáo viên chắc hẳn sẽ có một bài giảng chất lượng.

Nhờ các giáo án điện tử buổi học sẽ có nhiều đổi mới. Học sinh sẽ tập trung nghe giảng và tư duy nhiều hơn trong các giờ học. Tuy nhiên, các phương tiện kỹ thuật được đề cập trên là các phương tiện hỗ trợ cho việc giảng dạy chứ không thể thay thế vai trò chủ đạo của người thầy trong giờ lên lớp.

Hiện nay, bảng tương tác thông minh đã được nhiều trường cả nước lựa chọn. Có thể nói, bảng tương tác thông minh có rất nhiều tiện ích: Linh hoạt, áp dụng cho tất cả các lứa tuổi, tăng chất lượng giảng dạy bằng cách hỗ trợ giáo viên trình bày những thông tin từ internet và các nguồn khác một cách hiệu quả hơn, có nhiều cơ hội tương tác và giảng dạy trên lớp. Nâng cao hứng thú và động lực của cả người học lẫn giáo viên thông qua các công cụ đa chức năng và các nguồn tin đa dạng phong phú.

Với bút điện tử, giáo viên có thể trực tiếp kiểm soát các ứng dụng từ bảng trắng, viết, vẽ, chỉnh sửa, chú thích. Mặt bảng được sử dụng như một giao diện máy tính hiện đại. Hình ảnh và chữ viết được lưu vào máy tính và được chia sẻ như những dữ liệu điện tử thông thường - một file trong máy tính. Ngoài ra còn hỗ trợ giáo viên thuận tiện soạn thảo giáo án phục vụ cho công tác giảng dạy.

Các thiết bị điện tử đôi khi làm giảm sự tương tác giữa thầy và trò, giảm hoạt động nhóm, hoạt động cả lớp. Vì thế, người giáo viên cần biết điều tiết để không bị phụ thuộc vào công nghệ và buổi học không buồn tẻ chỉ là ngồi xem trình chiếu.

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

***Những chỉ tiêu phấn đấu:**

Căn cứ nghị quyết của Đảng, kế hoạch năm học 2017-2018 của nhà trường, tôi đã đề ra các chỉ tiêu phấn đấu như sau:

***Về cá nhân:**

- Có đủ các đầu sỏ theo quy định.
- Ghi chép thường xuyên, cập nhật, khoa học, có chất lượng.
- Dự giờ, học hỏi kinh nghiệm đồng nghiệp 4 tiết/ tháng
- Thực hiện tốt công tác soạn giảng, dạy học theo đúng chương trình và thời khoá biểu không dạy dồn, dạy ghép;
- Bài soạn có chất lượng thể hiện được công việc của thầy và trò, bài dạy phù hợp với đối tượng học sinh, đảm bảo chuẩn KTKN và nội dung tích hợp trong các môn học. Có phương pháp và hình thức dạy học phát huy được tính tích cực của học sinh;
- Áp dụng chuyên đề vào giảng dạy có hiệu quả, chú trọng đến công tác giáo dục học sinh, làm tốt công tác chuyên môn. Chú trọng đến công tác ứng dụng CNTT vào giảng dạy;
- Thông tin hai chiều thực hiện thường xuyên.
- Thực hiện tốt công tác tự kiểm định chất lượng
- Đánh giá, nhận xét học sinh thường xuyên, công bằng khách quan.

****Các bước thiết kế bài giảng trên phần mềm Power Point***

- Nghiên cứu tài liệu và xác định bài dạy nào cần thiết phải trình chiếu Power Point.
- Mục đích trình chiếu là gì?
- Kết quả đạt được từ việc trình chiếu đó như thế nào?
- Chọn thời điểm phù hợp của tiết học để sử dụng phương tiện trình chiếu nhằm đạt hiệu quả cao nhất.
- Xác định được thời lượng sử dụng phương tiện đó.

- Cân nhắc những biện pháp, cách thức chuẩn bị cho học sinh tri giác tài liệu học tập cũng như việc nghiên cứu tài liệu sau khi đã quan sát hoặc nghe đầy đủ.
- Xây dựng kế hoạch và tiến hành tổ chức tiết học một cách thích hợp nhằm phát huy tính tích cực, tự lực nhận thức của học sinh trong việc lĩnh hội kiến thức.
- Xác định tất cả các mục tiêu có trong bài dạy và chọn mục tiêu nào phù hợp với việc trình chiếu.
- Tìm tư liệu có liên quan.
- Xác định những phim ảnh, hình ảnh có liên quan đến bài giảng.
- Tiến hành soạn giảng trên máy.

Chuyên đề 6: PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG III.

** Khái niệm năng lực*

Năng lực được định nghĩa theo rất nhiều cách khác nhau, tùy thuộc vào bối cảnh và mục đích sử dụng các năng lực đó.

** Cấu trúc của năng lực*

Theo các nhà Tâm lý học, nội dung và tính chất của hoạt động quy định thuộc tính tâm lý của cá nhân tham gia vào cấu trúc năng lực của cá nhân đó. Vì thế, thành phần của cấu trúc năng lực thay đổi tùy theo loại hình hoạt động. Tuy nhiên, cùng một loại năng lực, ở những người khác nhau có thể có cấu trúc không hoàn toàn giống nhau.

** Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học*

Phát triển nghề nghiệp giáo viên là sự phát triển nghề nghiệp mà một giáo viên đạt được do có các kỹ năng nâng cao (qua quá trình học tập, nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp) đáp ứng các yêu cầu sát hạch việc giảng dạy, giáo dục một cách hệ thống. Đây là quá trình tạo sự thay đổi trong lao động nghề nghiệp của mỗi giáo viên nhằm gia tăng mức độ thích ứng của bản thân với yêu cầu của nghề dạy học.

** Một số điều kiện vận dụng phương pháp và chiến lược dạy học tích cực*

– *Đối với giáo viên:* Giáo viên phải được đào tạo bồi dưỡng chu đáo để thích nghi với những đổi thay về chức năng, nhiệm vụ rất đa dạng và phức tạp của mình, ngoài ra giáo viên phải nhiệt tình với công cuộc đổi mới giáo dục. Giáo viên vừa phải có năng lực chuyên môn đủ sâu rộng, có kỹ năng sư phạm thành thạo, biết ứng xử tinh tế với học sinh, biết sử dụng công nghệ thông tin vào dạy học giáo dục, biết định hướng phát triển của học sinh theo mục tiêu giáo dục đồng thời đảm bảo được sự tự do của học sinh trong hoạt động nhận thức. Trên hết, giáo viên phải biết kiên nhẫn, biết lắng nghe, khiêm tốn học hỏi bạn bè đồng nghiệp, học hỏi qua các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn.

– *Đối với học sinh:* Dưới sự chỉ đạo của giáo viên, học sinh phải dần dần có được những phẩm chất và năng lực thích nghi với phương pháp dạy học tích cực như: nắm vững mục tiêu học tập, có tinh thần tự giác trong học tập, có ý thức trách nhiệm về bản thân, biết tự học và tranh thủ học ở mọi nơi mọi lúc...

Cần giảm bớt khối lượng kiến thức không cần thiết, tạo điều kiện cho thầy trò tổ chức những hoạt động học tập tích cực; giảm bớt những kiến thức buộc học sinh phải ghi nhớ máy móc, tăng cường các bài toán nhận thức để học sinh tập giải, tăng cường loại câu hỏi phát triển trí thông minh; giảm bớt những kết luận áp đặt, tăng cường những gợi ý để học sinh tự học hỏi phát triển bài học và qua đó tự tìm ra kiến thức mới.

Thiết bị dạy học là điều kiện quan trọng cho việc triển khai phương pháp chiến lược dạy học tích cực hướng đến hình thành tác phong học tập chủ động của học sinh. Đáp ứng yêu cầu này phương tiện thiết bị dạy học phải tạo điều kiện thuận lợi cho học trò thực hành các hoạt động độc lập hoặc các hoạt động nhóm.

Cơ sở vật chất của nhà trường cũng cần hỗ trợ đắc lực cho việc tổ chức dạy học được thay đổi dễ dàng, ăn nhập với dạy học phân hoá, dạy học hợp tác.

Trong quá trình soạn thảo sách giáo khoa, sách giáo viên, một số tác giả đã chú ý lựa chọn danh mục thiết bị đồ dùng dạy học có khả năng phát huy vai trò tự học phát triển năng lực tự học cho học sinh. Những đề nghị này rất cần được các cán bộ chỉ đạo quản lý quán triệt và khai triển trong khuôn khổ hoạt động mà mình phụ trách.

– *Đối với cán bộ quản lý:* Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trực tiếp về việc đổi mới phương pháp dạy học ở trường mình, vấn đề này cần được đặt ở đúng vị trí của nó

trong sự kết hợp các hoạt động tất cả của nhà trường. Hiệu trưởng cần trân trọng, bày tỏ thái độ đồng tình với mỗi đề xuất mỗi sáng kiến hoặc đề nghị sửa đổi cho tiến bộ hơn dù nhỏ của các giáo viên, đồng thời cũng cần biết chỉ dẫn, giúp đỡ các giáo viên áp dụng các biện pháp dạy học tích cực phù hợp với môn học, bài học, đặc điểm học sinh, hoàn cảnh thực tiễn ở địa phương, làm cho phong trào đổi mới phương pháp dạy học giáo dục càng ngày càng được phát huy và có hiệu quả hơn.

Giáo viên cần cố gắng để trong mỗi tiết học ở trường tiểu học, học sinh thực hiện các hoạt động nhiều hơn, trao đổi nhiều hơn và quan trọng là được suy nghĩ

nhiều hơn trên con đường chiếm lĩnh các tri thức học tập.

Cần coi trọng khai thác yếu tố tích cực trong các phương pháp dạy học giáo dục truyền thống, đổi mới biện pháp dạy học theo hướng tích cực hoá hoạt động học tập của học sinh không có nghĩa là gạt bỏ, loại trừ, thay thế hoàn toàn các biện pháp dạy học truyền thống, hay phải nhập khẩu một số phương pháp xa lạ vào quá trình dạy học. Cần biết kế thừa, phát triển những mặt tích cực của các phương pháp dạy học hiện có, song song với nó phải học hỏi, áp dụng một số phương pháp dạy học mới một cách thích hợp nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh trong học tập, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh dạy học giáo dục cụ thể tại địa phương.

Phương pháp thuyết trình là một trong những phương pháp dạy học truyền thống được thực hiện trong các hệ thống nhà trường đã từ lâu. Đặc điểm cơ bản nổi trội của phương pháp thuyết trình là thông cáo – tái tạo, vì vậy phương pháp thuyết trình còn có thể gọi là phương pháp thuyết trình thông cáo – tái tạo. Phương pháp này chỉ rõ thuộc tính thông cáo bằng lời nói trong quá trình dạy học giáo dục của giáo viên và thuộc tính tái tạo trong quá trình lĩnh hội tri thức của học sinh. Giáo viên nghiên cứu tài liệu, sách giáo khoa, chuẩn bị bài giảng và trực tiếp điều khiển luồng thông tin kiến thức đến học sinh, còn học sinh tiếp nhận những thông cáo đó bằng việc nghe, nhìn, ghi chép cùng với tư duy theo lời giảng của giáo viên.

Như vậy, để kích thích tư duy tích cực của học sinh cần tăng cường mối tương tác giữa học sinh và giáo viên, giữa người nghe và người thuyết trình. Giáo viên có khả năng đặt một số câu hỏi có vấn đề để học sinh có thể trả lời lại ngay tại lớp, hoặc có khả năng trao đổi ngắn trong nhóm khoảng 3 – 4 học sinh trước khi giáo viên đưa ra

câu trả lời. Để lôi cuốn học sinh và tích cực hoá phương pháp thuyết trình, ngay khi bắt đầu bài học giáo viên nên thông cáo vấn đề dưới hình thức những câu hỏi có thuộc tính định hướng.

Trong quá trình thuyết trình bài giảng, giáo viên cần có khả năng thực hiện một số hình thức thuyết trình lôi cuốn chú ý của học sinh như sau:

- **Nêu vấn đề:** Trong quá trình thể hiện bài giảng giáo viên có khả năng biểu đạt vấn đề dưới dạng câu hỏi, gợi mở để gây tình huống lôi cuốn sự chú ý của học sinh.
- **Diễn tả, phân tích:** Giáo viên có khả năng dùng sơ đồ để diễn tả phân tích nhằm chỉ ra những đặc điểm, khía cạnh của từng nội dung. Trên cơ sở đó đưa ra những bằng chứng logic để làm rõ bản chất của vấn đề.
- **Nêu giả thuyết:** Giáo viên đưa vào bài học một số giả thuyết hoặc ý kiến có tính mâu thuẫn với vấn đề đang học nhằm xây dựng tình huống. Kiểu nêu vấn đề này đòi hỏi học sinh phải lựa chọn được ý kiến đúng, sai và có lập luận xác đáng về sự lựa chọn của mình. Học sinh phải biết cách nhận xét một cách chuẩn xác, khách quan về sự lựa chọn, chỉ ra cơ sở khoa học của nó.
- **Thuyết trình kiểu so sánh, tổng hợp:** Nếu nội dung của vấn đề thể hiện những nội dung tương phản thì giáo viên cần làm chính xác những dấu hiệu để ghi nhận, để so sánh từng mặt, từng thuộc tính hoặc so sánh giữa hai đối tượng mâu thuẫn nhau nhằm rút ra kết luận cho từng dấu hiệu để ghi nhận so sánh các dấu hiệu đó. Mặt khác, giáo viên cần có khả năng phân tích, so sánh rút ra kết luận nhằm góp phần làm tăng tính thuyết phục của quá trình trình bày.

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Nhận thức tư tưởng chính trị với trách nhiệm của một công dân, một nhà giáo đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Chấp hành pháp luật, chính sách của nhà nước.

Chấp hành quy chế của ngành, quy định của trường, kỉ luật lao động.

Đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo; tinh thần đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực; ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp; sự tín nhiệm của đồng nghiệp, HS và phụ huynh.

Trung thực trong công tác; đoàn kết trong quan hệ đồng nghiệp; phục vụ nhân dân và HS.

Vận dụng các kiến thức cơ bản, nắm vững mục tiêu, nội dung cơ bản của chương trình, SGK của các môn được phân công.

Có kiến thức chuyên sâu hơn để có khả năng hệ thống hóa chương trình và hướng dẫn đồng nghiệp hoặc bồi dưỡng HS giỏi, giúp đỡ các HS yếu, còn nhiều hạn chế trở nên tiến bộ.

Vận dụng kiến thức tâm lý sư phạm và tâm lý lứa tuổi, giáo dục học tiểu học vào trong môn học để nâng cao hiệu quả giờ dạy.

Soạn được các đề kiểm tra và đánh giá được kết quả học tập rèn luyện của HS theo hướng đổi mới.

Tích cực bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức phổ thông về chính trị, xã hội và nhân văn, kiến thức về ứng dụng CNTT, ngoại ngữ, tiếng dân tộc.

Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và các nghị quyết của địa phương nơi mình công tác.

Lập được kế hoạch dạy học; biết cách soạn giáo án theo hướng đổi mới.

Trên lớp tổ chức và thực hiện các hoạt động phát huy tính năng động sáng tạo của học sinh.

Kết hợp với giáo viên chủ nhiệm, Tổng phụ trách tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho HS, VD: Trung thu, thi văn nghệ 20/11,

Thường xuyên có thông tin và trao đổi góp ý với HS về tình hình học tập và rèn luyện để có giải pháp cải tiến sau từng học kỳ.

Tham gia dự giờ đồng nghiệp, sinh hoạt chuyên môn cụm theo phân môn Mĩ thuật mình đảm nhận; sinh hoạt tổ chuyên môn ở trường đúng quy định, xây dựng tổ, khối đoàn kết vững mạnh.

Lập, sắp xếp, lưu trữ khoa học các hồ sơ cá nhân cũng như các thông tin của học sinh liên quan tới môn học mà mình đảm nhận.

Đăng kí thực hiện sáng kiến kinh nghiệm vào thực tế giảng dạy và giáo dục HS tiểu học, có ứng dụng CNTT.

Chuyên đề 7: DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC

*** Quan điểm dạy học theo định hướng phát triển năng lực**

Có thể thấy, quan điểm dạy học theo định hướng phát triển năng lực được thể hiện rõ trong Chương trình Giáo dục phổ thông.

Chương trình Giáo dục phổ thông là văn bản của Nhà nước thể hiện mục tiêu giáo dục phổ thông, quy định các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh, nội dung giáo dục [4], phương pháp giáo dục và phương pháp đánh giá kết quả giáo dục, làm căn cứ quản lí chất lượng giáo dục phổ thông; đồng thời là cam kết của Nhà nước nhằm bảo đảm chất lượng của cả hệ thống và từng cơ sở giáo dục phổ thông.

Chương trình Giáo dục phổ thông được xây dựng trên cơ sở quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; kế thừa và phát triển những ưu điểm của các chương trình giáo dục phổ thông đã có của Việt Nam, đồng thời tiếp thu thành tựu nghiên cứu về khoa học giáo dục và kinh nghiệm xây dựng chương trình theo mô hình phát triển năng lực của những nền giáo dục tiên tiến trên thế giới; gắn với nhu cầu phát triển của đất nước, những tiến bộ của thời đại về khoa học - công nghệ và xã hội; phù hợp với đặc điểm con người, văn hoá Việt Nam, các giá trị truyền thống của dân tộc và những giá trị chung của nhân loại cũng như các sáng kiến và định hướng phát triển chung của UNESCO về giáo dục; tạo cơ hội bình đẳng về quyền được bảo vệ, chăm sóc, học tập và phát triển, quyền được lắng nghe,

tôn trọng và được tham gia của học sinh; đặt nền tảng cho một xã hội nhân văn, phát triển bền vững và phồn vinh.

Chương trình giáo dục phổ thông bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua nội dung giáo dục với những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại; hài hoà đức, trí, thể, mỹ; chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống; tích hợp cao ở các lớp học dưới, phân hoá dần ở các lớp học trên; thông qua các phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục phát huy tính chủ động và tiềm năng của mỗi học sinh, các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục tiêu giáo dục và phương pháp giáo dục để đạt được mục tiêu đó.

Chương trình giáo dục phổ thông bảo đảm kết nối chặt chẽ giữa các lớp học, cấp học với nhau và liên thông với chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục nghề nghiệp và chương trình giáo dục đại học.

Chương trình giáo dục phổ thông được xây dựng theo hướng mở, cụ thể là:

Chương trình bảo đảm định hướng thống nhất và những nội dung giáo dục cốt lõi, bắt buộc đối với học sinh toàn quốc, đồng thời trao quyền chủ động và trách nhiệm cho địa phương và nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục, góp phần bảo đảm kết nối hoạt động của nhà trường với gia đình, chính quyền và xã hội.

Chương trình chỉ quy định những nguyên tắc, định hướng chung về yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và phương pháp đánh giá kết quả giáo dục, không quy định quá chi tiết, để tạo điều kiện cho tác giả sách giáo khoa và giáo viên phát huy tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện chương trình.

Chương trình bảo đảm tính ổn định và khả năng phát triển trong quá trình thực hiện cho phù hợp với tiến bộ khoa học - công nghệ và yêu cầu của thực tế.

*** Nguyên tắc dạy học theo định hướng phát triển năng lực**

Dạy học theo định hướng phát triển năng lực cần tạo điều kiện cho học sinh tự mình hoàn thành nhiệm vụ nhận thức với sự tổ chức, hướng dẫn của giáo viên, chú ý rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống của cuộc sống, gắn với hoạt động thực hành, thực tiễn. Muốn vậy, cần phải:

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Đối với bộ môn mà tôi đảm nhiệm tôi nhận thấy rằng để phát triển năng lực cho HS Tiểu học thì cần phải tạo mối quan hệ tốt với HS, tạo cho các em tâm trạng thoải mái nhất khi giao tiếp với thầy cô giáo.

Cần tạo dựng lớp học như một cộng đồng học tập đoàn kết, thân thiện và sẵn sàng chia sẻ.

Bên cạnh đó giữa GV- nhà trường – phụ huynh – cộng đồng cần có sự kết hợp nhằm khuyến khích, giúp đỡ các em tự học, trải nghiệm, tạo điều kiện cho các em áp dụng kiến thức kĩ năng vào thực tiễn.

Điều quan trọng giáo viên phải xác định mục tiêu của bài học: Các kiến thức, kĩ năng, thái độ, những năng lực mà HS cần đạt được thông qua các bài học.

Quyết định lựa chọn nội dung bài học, xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập hướng dẫn HS học tập để đạt mục tiêu đã xác định.

Đánh giá quá trình và kết quả học tập của HS; hướng dẫn và tổ chức cho HS đánh giá và tự đánh giá; sử dụng kết quả vào việc tác động lại quá trình đào tạo.

Tích cực áp dụng một số PPDH phát triển năng lực của HS như: Dạy học giải quyết vấn đề, Dạy học thông qua hoạt động trải nghiệm, Dạy học kiến tạo...

Lựa chọn nội dung học tập có sự kết nối với các vấn đề của thực tiễn, hướng tới các năng lực mà học sinh cần có sau quá trình học; xây dựng bài học hứng thú, vừa sức học sinh và tăng dần độ khó; hệ thống nhiệm vụ học tập tạo cơ hội cho học sinh chủ động khám phá kiến thức, hình thành kĩ năng trong và sau quá trình học.

Lựa chọn hình thức học tập phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của học sinh, có tác dụng tích cực trong việc hình thành và phát triển năng lực tự học của học sinh; kết hợp làm việc cá nhân với làm việc nhóm; chú ý tạo điều kiện cho học sinh học tập, rèn luyện trong thực tế hoặc tình huống giả định gần với thực tế.

Đánh giá quá trình và kết quả học tập theo chuẩn “đầu ra”; quan tâm tới sự tiến bộ của người học, chú trọng khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

Chuyên đề 8: THANH TRA, KIỂM TRA VÀ MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG TIỂU HỌC.

*** Mục tiêu chất lượng ở trường tiểu học**

Việc đảm bảo chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục tiểu học nhằm giúp cơ sở giáo dục xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của cơ sở giáo dục; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

*** Các chính sách đảm bảo chất lượng của trường tiểu học**

Để vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng cần phải có các văn bản chính sách về đảm bảo chất lượng bao gồm các chủ trương, nghị quyết của Đảng của đơn vị về đảm bảo chất lượng, các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Mỗi đơn vị trường học cần có chính sách rõ ràng, những quy trình phù hợp về đảm bảo chất lượng và đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ, đồng thời cam kết xây dựng văn hoá chất lượng và ý thức đảm bảo chất lượng.

*** Các hiện pháp kiểm soát và nâng cao chất lượng giáo dục ở trường tiểu học**

Thường xuyên cập nhật các thông tin đảm bảo chất lượng của đơn vị và của nhà trường tiểu học để mọi thành viên trong trường biết và tìm hiểu công tác đảm bảo chất lượng - kiểm định chất lượng.

Nâng cao nhận thức cho các cán bộ chủ chốt, giáo viên và chuyên viên trong trường thông qua các hoạt động tập huấn tự đánh giá chương trình đào tạo và tự đánh giá trường.

Thực hiện việc xây dựng kế hoạch chi tiết công tác đảm bảo chất lượng hằng năm. Đưa nội dung công tác đảm bảo chất lượng, kiểm định chất lượng, tự đánh giá trường tiểu học và chương trình đào tạo vào kế hoạch ngân sách chi thường xuyên của các trường tiểu học trên cơ sở kế hoạch chi tiết về công tác đảm bảo chất lượng trình lãnh đạo trường phê duyệt.

Lưu ý tạo điều kiện về thời gian cho cán bộ chuyên trách đảm bảo chất lượng tham dự các Hội thảo, các khoá học ngắn ngày về đảm bảo chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; đồng thời, củng cố và chuẩn hoá công tác thống kê lưu trữ trong trường theo hướng chuyên nghiệp và chuyên môn hoá. Hoàn thiện các phiếu khảo sát, tiếp tục triển khai, cải tiến công tác khảo sát hàng năm theo quy định.

Báo cáo thực tế hoạt động thanh tra kiểm tra và đảm bảo chất lượng của một trường tiểu học

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

- + Kế hoạch, nội dung, phương pháp, biện pháp thực hiện nhiệm vụ được giao.
- + Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống luôn chấp hành chính sách, pháp luật của nhà nước; chấp hành quy chế của ngành, quy định của cơ quan, đơn vị; đảm bảo số lượng, chất lượng ngày- giờ công lao động.
- + Đạo đức, nhân cách, lối sống, ý thức đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực; sự tin nhiệm trong đồng nghiệp, HS và nhân dân; tinh thần đoàn kết; tính trung thực trong công tác; quan hệ đồng nghiệp; thái độ phục vụ nhân dân và HS.
- + Thực hiện quy chế chuyên môn; dự giờ lên lớp; kết quả giảng dạy; thực hiện nhiệm vụ khác được giao.
- + Tăng cường bồi dưỡng nâng cao trình độ đáp ứng quy định về chuẩn nghề nghiệp của GV.

Chuyên đề 9: SINH HOẠT TỔ CHUYÊN MÔN VÀ CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC.

Phương pháp tạo lập môi trường tự học, tự bồi dưỡng và hợp tác chia sẻ

- Tổ chuyên môn cần tư vấn cho các cấp quản lý có những chủ trương, chiến lược thúc đẩy hoạt động tự học – tự bồi dưỡng của đội ngũ giáo viên trong nhà trường.
- Tổ chuyên môn cần nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng, phương pháp tự học – tự bồi dưỡng cho giáo viên trong tổ. Từ nhận thức đúng đắn như vậy, sẽ giúp giáo viên hình thành nhu cầu, động cơ tự học – tự bồi dưỡng; giúp họ chủ động, tự giác tự học – tự bồi dưỡng để nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn cho bản thân.
- Tổ chuyên môn phải xây dựng kế hoạch tự học – tự bồi dưỡng của giáo viên dựa trên cơ sở kế hoạch tự học – tự bồi dưỡng của cá nhân mỗi giáo viên và kế hoạch chuyên môn tổng thể của nhà trường sao cho phù hợp với thực tế dạy học, phù hợp với khả năng của mỗi giáo viên.
- Tổ chuyên môn định hướng giúp giáo viên lựa chọn các nội dung tự học - tự bồi dưỡng hướng đến phục vụ hữu ích cho công việc giảng dạy và giáo dục học sinh trong nhà trường cũng như phù hợp với khả năng phát triển của bản thân mỗi giáo viên.
- Hoạt động tự học - tự bồi dưỡng của giáo viên ở các tổ chuyên môn trong nhà trường tiểu học phải được diễn ra thường xuyên, liên tục. Chính sự diễn ra thường xuyên, liên tục sẽ tạo thành phong trào khích lệ giáo viên luôn luôn tự học – tự bồi dưỡng.
- Tổ chuyên môn cần có những hỗ trợ thiết thực về cơ sở vật chất như: tư liệu, sách báo, phương tiện kỹ thuật, không gian, thời gian để giúp giáo viên có thể triển khai các hoạt động tự học – tự bồi dưỡng một cách thuận lợi và có hiệu quả.
- Tổ chuyên môn cần có những kế hoạch quản lý, kiểm tra, đánh giá kết quả tự học
- Tự bồi dưỡng của giáo viên; có những ghi nhận, động viên, khuyến khích kịp thời đối với các kết quả tự học – tự bồi dưỡng của giáo viên.

Tổ chuyên môn với công tác bồi dưỡng giáo viên tập sự và bồi dưỡng giáo viên tại trường, tập huấn giáo viên

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

*** Nội dung bồi dưỡng, tập huấn**

- Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho giáo viên tiểu học.
- Bồi dưỡng nâng cao hiểu biết cho giáo viên tiểu học về xã hội, văn hoá; về tin học, ngoại ngữ; về kiến thức chuyên sâu về tâm sinh lí lứa tuổi; về phương pháp dạy học, giáo dục học sinh...
- Bồi dưỡng phát triển các kĩ năng sư phạm của người giáo viên tiểu học như kĩ năng lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng phát triển năng lực người học; kĩ năng chủ nhiệm lớp...

*** Hình thức bồi dưỡng, tập huấn**

- Bồi dưỡng tại chỗ.
- Bồi dưỡng qua hội thoại.
- Bồi dưỡng ngắn hạn qua dịp hè.
- Bồi dưỡng qua dự giờ, tham quan thực tế ở trường bạn.

*** Lực lượng bồi dưỡng, tập huấn**

Lực lượng bồi dưỡng, tập huấn thường là tổ trưởng chuyên môn hoặc giáo viên có kinh nghiệm trong giảng dạy và giáo dục học sinh trong tổ; hoặc cũng có thể mời báo cáo viên là cán bộ quản lí của trường, cán bộ quản lí và giáo viên có kinh nghiệm ở các tổ khác. Nếu có điều kiện có thể mời báo cáo viên là các chuyên gia giáo dục ở ngoài trường.

- Tổ chuyên môn với việc phát hiện vấn đề và xác định chủ đề nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng

- Phát hiện vấn đề và xác định chủ đề nghiên cứu trong nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.
- Tổ chuyên môn với việc tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.
- Tổ chuyên môn với việc đánh giá kết quả và tổ chức triển khai vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong trường tiểu học

Chuyên đề 10: XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ TRONG VÀ NGOÀI NHÀ TRƯỜNG ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG TIỂU HỌC.

***Xã hội hoá giáo dục, giáo dục vì xã hội và xã hội vì giáo dục**

Có khá nhiều các định nghĩa, các quan niệm về xã hội hoá giáo dục.

Xã hội hoá giáo dục là quá trình làm cho hoạt động giáo dục mang tính xã hội, trong đó người giáo dục và người được giáo dục trong mọi hoạt động giáo dục mà họ tham gia, về cả nội dung và phương thức thực hiện, kết quả đạt được đều mang tính xã hội cao.

Xã hội hoá giáo dục là quá trình làm cho các hoạt động mang tính giáo dục của xã hội được huy động vào quá trình giáo dục một cách tích cực, có hiệu quả. xã hội hoá giáo dục cũng có nghĩa là toàn xã hội tham gia giải quyết một cách phù hợp những vấn đề giáo dục đang đặt ra.

Xã hội hoá giáo dục là quá trình mở rộng phạm vi giáo dục, nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục ở quy mô quốc gia, khu vực và quốc tế. Việc coi trọng chăm lo giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, văn hoá... của các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, đoàn thể, các thôn xóm, tổ dân phố, cộng đồng dân cư thực chất là xã hội hoá giáo dục, vì các tổ chức này tham gia vào quá trình giáo dục.

***Nội dung của xã hội hoá giáo dục:**

- *Một là*, xã hội hoá giáo dục là giáo dục cho toàn xã hội những lí luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh một cách thấu đáo về vai trò, nhiệm vụ của giáo dục gắn với vấn đề về con người.
- *Hai là*, xã hội hoá giáo dục về nội dung, chương trình giáo dục. Nội dung giáo dục cập nhật những vấn đề nóng và mở rộng phạm vi kiến thức. Chương trình giáo dục có sự tham khảo chương trình của nhiều nước tiên tiến trên thế giới, có sự tham gia xây dựng của nhiều chuyên gia, sự góp ý của những nhà giáo dục, các nhà nghiên cứu, giảng dạy, những người có chuyên môn trong các lĩnh vực...
- *Ba là*, xã hội hoá giáo dục trong hệ thống tổ chức cơ sở giáo dục, cấp học, ngành học, huy động tài chính, kinh phí của toàn xã hội.
- Xây dựng môi trường giáo dục

Nhà trường là một môi trường đạo đức, cởi mở và thân thiện

- Môi trường đạo đức: nơi đây là chuẩn mực với những quy phạm đạo đức được mọi người chấp nhận và thực thi một cách tự nguyện.
- Cởi mở: mọi người có thể nói những điều mình suy nghĩ mà không lo sợ bất cứ chuyện gì có thể xảy ra, trên tinh thần đóng góp, thiện chí, tích cực.
- Thân thiện: quan tâm chia sẻ tạo một môi trường an toàn, lành mạnh cả về sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần cho mọi người làm việc và học tập. Học sinh coi *Mỗi ngày đến trường là một ngày vui*, tham gia xây dựng *Trường học thân thiện, học sinh tích cực*.

Xây dựng mối quan hệ đồng nghiệp gắn bó, hợp tác và chia sẻ

-Giữa giáo viên với giáo viên:

- Giữa giáo viên với Ban Giám hiệu nhà trường:

-Giữa giáo viên với cán bộ nhân viên trong trường:

***Phát triển quan hệ giữa các trường tiểu học với các bên liên quan**

- Phát triển quan hệ với chính quyền các cấp ở địa phương để phát triển nhà trường

Địa phương là địa bàn nơi có trường tọa lạc. Môi trường kinh tế - xã hội - văn hoá của địa phương ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả giáo dục của nhà trường (liên hệ với câu chuyện cổ xưa của bà mẹ Mạnh Tử chuyển nhà gần chợ, gần nghĩa trang đến gần trường, để có những tác động tích cực cho tương lai của con mình).

Chính quyền địa phương có thể có những cơ chế, chính sách giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ, kết hợp với nhà trường, vận động con em đi học và thực hiện tốt nội quy của trường đề ra. Đây là biểu hiện rõ nhất của tính xã hội hoá trong giáo dục. Nhiều địa phương đã huy động sức người, sức của xây trường lớp cho học sinh, làm nhà công vụ cho giáo viên, mua sắm trang thiết bị cho nhà trường, quan tâm đến đời sống của giáo viên...

- Phát triển quan hệ giữa nhà trường, giáo viên với cộng đồng để nâng cao chất lượng giáo dục

- Quan hệ phối hợp và trách nhiệm giải trình của nhà trường với cha mẹ học sinh

- Môi quan hệ nhà trường - giáo viên - phụ huynh:

Đối với việc giáo dục học sinh tiểu học, mối quan hệ này trở nên đặc biệt quan trọng. Nguyên nhân là do tiểu học là bậc học phổ thông đầu tiên, các em ở độ tuổi từ 6 đến 11 tuổi, còn chưa tự lập suy nghĩ và vô cùng non nớt, hầu như hoàn toàn phụ thuộc vào người lớn. Thêm nữa, có rất nhiều nguy cơ rình rập các em: các tai nạn có thể trên đường đi học, trong khi đùa nghịch, vui chơi, các tệ nạn như bắt cóc, lạm dụng tình dục.. mà các em không tự phòng ngừa và bảo vệ mình được. Vậy nên, việc kết hợp giữa nhà trường với gia đình chăm lo cho các con là vô cùng cần thiết.

- Vai trò của Hội phụ huynh học sinh trong trường tiểu học:

Trong mối quan hệ với phụ huynh học sinh, trường tiểu học đặc biệt chú trọng tới sự gắn kết với Hội phụ huynh. Đây là tổ chức nòng cốt giữ liên hệ giữa nhà trường và gia đình. Hằng năm, cứ vào đầu năm học, Ban đại diện Hội phụ huynh lại được bầu ra, giúp nhà trường nhiều công việc quan trọng. Đó thường là những phụ huynh quan tâm đến con cái, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục, tích cực, có một quỹ thời gian tương

đôi để lo công việc chung, có một phương pháp làm việc hiệu quả... Kinh nghiệm cho thấy, những trường có Hội phụ huynh như trên thường có những phong trào gắn kết tốt, huy động được nhiều nguồn lực từ' phụ huynh, các tổ chức xã hội và cộng đồng, đóng góp nhiều cho nhà trường cả về cơ sở vật chất cũng như những chia sẻ, quan tâm về đời sống tinh thần của giáo viên. Ngược lại, từ phía trường tiểu học cũng có những trao đổi thường xuyên, thẳng thắn, minh bạch với Hội phụ huynh những kế hoạch, những dự định, những khó khăn cũng như thuận lợi của nhà trường, đề xuất các giải pháp cùng thực hiện, tạo điều kiện tốt nhất có thể cho Hội làm việc được hiệu quả. Tránh những trường hợp thiếu sự nhất quán, không hiểu biết lẫn nhau, đùn đẩy trách nhiệm, không minh bạch... dẫn đến những thiệt thòi đáng tiếc cho học sinh.

-Phát triển quan hệ với cộng đồng nghề nghiệp và với các cơ sở giáo dục khác: trường bạn, hội nhà giáo, hội giáo chức, công đoàn ngành giáo dục, Liên đoàn lao động...

-Trường tiểu học với việc hợp tác và giao lưu quốc tế

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Tích cực tham gia công tác xã hội hóa ở trường và địa phương.

Tạo điều kiện cho HS có cơ hội học tập và tham gia các hoạt động học tập ở trường, lớp và địa phương.

Ủng hộ khả năng tự học, tự bồi dưỡng tích lũy tri thức của học sinh, GV, những cá nhân trong cộng đồng.

Tôn trọng học sinh, đồng nghiệp, những cá nhân có mong muốn học tập, chia sẻ kiến thức với mọi người, giúp đỡ những cá nhân không có điều kiện được tiếp cận với kiến thức.

Trong giờ học tích cực tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm giáo dục đạo đức, cũng như trách nhiệm công dân cho HS.

***Biện pháp vận dụng những kiến thức của các chuyên đề trong phát triển nghề nghiệp bản thân**

Biện pháp 1. Nắm vững những kiến thức lí luận từ các chuyên đề bồi dưỡng có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.

Biện pháp 2. Tích cực vận dụng một cách thường xuyên những kiến thức thu lượm được vào hoạt động công tác của bản thân.

Biện pháp 3. Thường xuyên chia sẻ với đồng nghiệp trong quá trình công tác.

1. KẾT LUẬN

Cán bộ quản lí, giáo viên Tiểu học có vai trò và tầm quan trọng to lớn đối với chất lượng và hiệu quả giáo dục Tiểu học. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên Tiểu học thông qua bồi dưỡng nâng hạng giáo viên Tiểu học theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp là một biện pháp quan trọng và mang lại những hiệu quả thiết thực. Để có thể không ngừng phát triển nghề nghiệp bản thân, mỗi cán bộ quản lí, giáo viên Tiểu học cần có nhận thức đầy đủ, đúng đắn những nội dung của các chuyên đề bồi dưỡng, nắm vững các kĩ năng có liên quan, đồng thời tích cực vận dụng hiệu quả những kiến thức, kĩ năng đã được lĩnh hội trong các hoạt động nghề nghiệp của bản thân.

Lục Yên, ngày 06 tháng 07 năm 2018

NGƯỜI VIẾT

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Giáo trình Pháp luật đại cương (Dùng cho các trường ĐH, CĐ không chuyên ngành luật)*, NXB Đại học Sư phạm.
2. Nguyễn Vũ Bích Hiền (Chủ biên, 2015), *Phát triển và Quản lí Chương trình giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm.
3. Nguyễn Công Hoàn (2006), *Giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục.
4. Giang Hà Huy (1999), *Kĩ năng trong quản lí*, NXB Thống kê.
5. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật giáo dục*, NXB Chính trị Quốc gia.
6. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Luật trẻ em*, NXB Chính trị Quốc gia.

7. Trường ĐHSP Hà Nội (2018), *Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Tiểu học hạng II*, NXB Đại học Sư phạm.
8. Phạm Viết Vượng (2004), *Nghiên cứu khoa học giáo dục*, NXB Giáo dục.

Tham khảo thêm:

- [Phiếu đăng ký học lớp bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp](#)
- [Đơn đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp](#)

4. 10 chuyên đề viết bài thu hoạch nâng hạng giáo viên tiểu học hạng 3**MỘT SỐ KỸ THUẬT KHỞI ĐỘNG****CHO HỌC SINH TRONG NHÀ TRƯỜNG TIỂU HỌC****I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Trong lĩnh vực giáo dục phổ thông nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện tốt các nhiệm vụ của viên chức giảng dạy, đáp ứng các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giáo viên tiểu học hạng III. Đồng thời nhằm bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III và thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III. Với những lí do trên, được Phòng giáo dục và đào tạo Huyện Thanh Oai tổ chức lớp học bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giáo viên 3 cấp: Mầm non, Tiểu học, THCS. Tôi đã đăng kí tham gia lớp học bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giáo viên tiểu học hạng III.

Qua quá trình tập huấn được học tập và nghiên cứu cũng như sự hướng dẫn, truyền đạt của các thầy, cô giáo phụ trách giảng dạy Chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học ở hạng III, tôi nắm bắt được các nội dung như sau:

Nắm bắt xu hướng phát triển của giáo dục, tinh thần đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, các mô hình trường học mới. Những mặt được và mặt hạn chế của các mô hình trường học đó. Vận dụng sáng tạo và đánh giá được việc vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học

của bản thân và đồng nghiệp. Chủ động, tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao chất lượng giáo dục học sinh tiểu học.

Nắm vững và vận dụng tốt chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học; chủ động tuyên truyền và vận động đồng nghiệp cùng thực hiện tốt chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về giáo dục nói chung và giáo dục tiểu học nói riêng. Hiểu rõ chương trình và kế hoạch giáo dục tiểu học; hướng dẫn được đồng nghiệp cùng thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục tiểu học.

II. KHÁI QUÁT NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG

1. Khối lượng kiến thức:

Qua một thời gian ngắn dưới sự hướng dẫn của các giảng viên trường Đại học Thủ Đô, tôi đã được tìm hiểu 10 chuyên đề cơ bản, trong đó tập trung kiến thức chủ yếu về chính trị, về quản lý nhà nước và các kỹ năng chung gồm 4 chuyên đề; kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành và đạo đức nghề nghiệp gồm 6 chuyên đề:

- **Chuyên đề 1: LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC.**
- **Chuyên đề 2: CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO.**
- **Chuyên đề 3: QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.**
- **Chuyên đề 4: GIÁO VIÊN VỚI CÔNG TÁC TƯ VẤN HỌC ĐƯỜNG TRƯỜNG TIỂU HỌC.**
- **Chuyên đề 5: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC.**
- **Chuyên đề 6: PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG III.**
- **Chuyên đề 7: DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC.**
- **Chuyên đề 8: THANH TRA, KIỂM TRA VÀ MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG TIỂU HỌC.**

- **Chuyên đề 9:** SINH HOẠT TỔ CHUYÊN MÔN VÀ CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC.
- **Chuyên đề 10:** XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ TRONG VÀ NGOÀI NHÀ TRƯỜNG ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG TIỂU HỌC.

2. Nội dung chính của các chuyên đề đã học:

Chuyên đề 1: LÍ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC.

- Những kết quả thu nhận được:

- + Về kiến thức: Đã biết được thế nào là hành chính nhà nước, chính sách công, kết hợp quản lí nhà nước theo ngành và lãnh thổ.
- + Về kĩ năng: Nghiêm chỉnh chấp hành và thực thi các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước, của đơn vị công tác và các quy định khác.

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Trong năm học 2017 – 2018 tôi được giao nhiệm vụ là phó hiệu trưởng nhà trường. Sau khi học xong lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giáo viên tiểu học hạng III, tôi nhận thấy ở chuyên đề 1 giúp cho tôi hiểu hơn về quản lí nhà nước, về cách thức quản lí từ trung ương đến địa phương, qua đó nhắc nhở tôi cần chấp hành tốt hơn các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và nhà nước.

Trong quá trình quản lí, tôi nhận thấy mình cần có trách nhiệm phối kết hợp với các ban ngành đoàn thể của xã và nhà trường, Hội cha mẹ học sinh, để giáo dục tư tưởng đạo đức, lối sống cho các em học sinh thông qua mỗi tiết học, các hoạt động để học sinh hiểu và chấp hành pháp luật đúng đắn.

- Những đề xuất: Trên tất cả các mặt của đời sống xã hội nhà nước ta cần nghiêm khắc thực thi quyền lực, thực hiện đúng hiệu quả cho lợi ích chung của cộng đồng.

Chuyên đề 2: CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO.

- Những kết quả thu nhận được:

+ Kiến thức: Nắm bắt xu thế phát triển giáo dục. Đường lối và các quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục. Chính sách và giải pháp phát triển giáo dục phổ thông trong thời kì CNH-HĐH- Toàn cầu hóa.

+ Kỹ năng: Chủ động lĩnh hội kiến thức, hoàn chỉnh và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Là phó Hiệu trưởng nhà trường, tôi nhận thấy rõ tác dụng của việc biết được chiến lược, và chính sách phát triển giáo dục và đào tạo đó là tất cả trẻ em ở độ tuổi tiểu học đều được đến trường, đó là bình đẳng giới không chỉ cho các em học sinh mà qua đây tôi cũng nâng cao hơn quyền bình đẳng giới của mình nơi làm việc và tại địa phương, gia đình và xã hội.

Đối với nhiệm vụ của tôi được phân công, tôi cần chủ động nâng cao trình độ Quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ của mình. Trong nhiệm vụ cần đối xử công bằng với tất cả cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh, làm đúng theo chức năng và nhiệm vụ của mình, giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc. Truyền đạt cho học sinh ý thức tự lĩnh hội kiến thức, tự chủ động trong các hoạt động học tập và trong xã hội, để có đủ năng lực và bản lĩnh thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của thế giới tránh nguy cơ xói mòn bản sắc dân tộc.

- Những đề xuất:

Cần thống nhất cách thức, chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học trong đổi mới ở tất cả cấp bậc.

Nội dung chương trình của các cấp học có sự nối tiếp logic và phát triển, tránh lặp lại nội dung của các cấp học dưới.

Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp bậc.

Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, công bằng.

Có sự liên hệ và phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Chú trọng phát triển tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả.

Chuyên đề 3: QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.

- Những kết quả thu nhận được:

+ Kiến thức: Nắm bắt cách thức quản lý của nhà nước và chính sách phát triển giáo dục trong cơ chế thị trường.

+ Kỹ năng: Thực hiện đúng hiệu quả cách thức quản lý và chính sách phát triển giáo dục trong cơ chế thị trường hiện nay.

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Trong bộ ngành chịu sự chỉ đạo theo hệ thống, người đứng đầu là Thủ tướng chính phủ sau đó là- Bộ GD&ĐT- Sở GD&ĐT- Phòng GD&ĐT- Hiệu trưởng- Tổ trưởng chuyên môn.

Trong công việc xác định rõ mục tiêu của giáo dục là phát triển đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách cho học sinh, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Trong công việc cần sáng tạo để thúc đẩy các hoạt động của nhà trường, và đẩy mạnh ứng dụng CNTT để cập nhật kịp thời với xu thế của thế giới.

- Những đề xuất:

Thực hiện dân chủ hóa, phân cấp quản lý, giao quyền tự chủ để phát huy tính chủ động sáng tạo.

Giao việc đúng người có năng lực, làm được.

Chức năng giám sát, kiểm tra, quản lý cần công khai, công bằng và minh bạch.

Nội dung giáo dục phù hợp với đối tượng và thời lượng dạy học.

Chuyên đề 4: GIÁO VIÊN VỚI CÔNG TÁC TƯ VẤN HỌC ĐƯỜNG TRƯỜNG TIỂU HỌC.

- Những kết quả thu nhận được:

+ Kiến thức: Nắm bắt vị trí và đặc điểm tâm lí, các hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ của học sinh tiểu học. Tham vấn học đường tạo động lực, phòng ngừa và khắc phục các vấn đề trong học đường.

+ Kỹ năng: Tạo sự tin tưởng tới học sinh, trợ giúp học sinh, cha mẹ học sinh và nhà trường giải quyết khó khăn về mặt tâm – sinh lí, định hướng học tập, giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh.

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Tôi đã dựa vào các văn bản chỉ đạo của phòng giáo dục và lên kế hoạch cụ thể về công tác tư vấn học đường và có quyết định thành lập tổ tư vấn học đường, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong tổ tư vấn. Thường xuyên kiểm tra đánh giá. Do vậy công tác tư vấn học đường của trường chúng tôi đạt kết quả tốt.

Đối với nghề giáo viên việc nắm bắt tâm lí trẻ là một điều hết sức cần thiết và có hiệu quả to lớn trong việc áp dụng các phương pháp giảng dạy cho từng tiết học, từng môn học.

Xác định rõ mục tiêu dạy học là tạo cho học sinh có được tâm lí thoải mái, thư giãn sau những giờ học căng thẳng. Đồng thời tạo cho học sinh các kỹ năng như tự tin trước đám đông, mạnh dạn thể hiện năng khiếu của mình, cách hoạt động nhóm... Mặt khác nắm bắt tâm lí học sinh tiểu học đặc biệt là vùng nông thôn còn nhút nhát, rụt rè vì thế trong mỗi tiết học, hoặc trong các hoạt động tập thể của nhà trường, tôi thường kết hợp các hoạt động biểu diễn cá nhân, nhóm, các hình thức chia sẻ giữa các học sinh để các em mạnh dạn hơn, hiểu nhau hơn, yêu quý và đoàn kết với nhau hơn nữa.

Qua mỗi bài học tôi luôn cố gắng giáo dục học sinh, liên hệ với cuộc sống hàng ngày để các em thấy tác dụng và yêu thích các môn học hơn.

Trong trường phát triển phong trào văn hóa văn nghệ tạo sân chơi cho học sinh, giáo viên qua đó tăng thêm kỹ năng hoạt động nhóm và tình đoàn kết giữa mọi người trong trường.

- Những đề xuất:

Mỗi trường cần có một phòng tư vấn tâm lý học đường.

Nên phát triển rộng tư vấn tâm lý học đường.

Chuyên đề 5: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC.

- Những kết quả thu nhận được:

+ Kiến thức: Nắm bắt cách thức tổ chức hoạt động dạy học, xây dựng và phát triển kế hoạch giáo dục ở trường tiểu học. Một số quan điểm, cách tiếp cận, xu thế quốc tế trong phát triển giáo dục. Nguyên tắc, quy trình phát triển kế hoạch giáo dục ở trường tiểu học.

+ Kỹ năng: Có trách nhiệm thực hiện tốt phần chương trình và kế hoạch giáo dục của mình.

- Công việc đảm nhận và vận dụng vào công việc:

Đầu năm học, căn cứ vào nhiệm vụ năm học của phòng giáo dục, căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của cấp trên, căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường. Phối hợp với Ban giám hiệu nhà trường để xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học nhà trường để duyệt với phòng giáo dục. Từ đó làm mục tiêu để nhà trường chỉ đạo các hoạt động nhà trường trong năm học.

Dựa vào Kế hoạch của nhà trường, những điểm mạnh, điểm yếu, của bản thân, các điều kiện, cơ hội cũng như thách thức tại trường và địa phương tôi đã xây dựng cho

mình bản kế hoạch cá nhân để xác định được mục tiêu, phương pháp làm việc của bản thân phải làm trong năm học này.

Mời bạn đọc cùng tham khảo thêm tại mục [giáo dục đào tạo](#) trong mục [biểu mẫu](#) nhé.

